

Phú Yên, ngày 23 tháng 4 năm 2021



**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên  
Địa chỉ : 157-159 Hùng Vương, phường 5, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên  
Giấy chứng nhận ĐKDN: 4400114094  
Thời gian họp : Bắt đầu lúc 9 giờ 10 phút ngày 23/4/2021 (Thứ Sáu)  
Địa điểm họp : Khách sạn Sài Gòn – Phú Yên (541 Trần Hưng Đạo, phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên)  
Cổ đông tham dự: Tổng số cổ đông và người được ủy quyền dự họp là 104 người, đại diện cho 7.290.279 cổ phần, chiếm 84,26% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**DIỄN BIẾN PHIÊN HỌP**

**I. KHAI MẠC**

1. Ông Trần Văn Hay, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; công bố quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông.

Phiên họp có sự tham gia các thành phần: HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành và đại diện Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

2. Bà Nguyễn Thị Minh Hạc, Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo số cổ đông tham dự phiên họp đến 9 giờ 10 phút đã có 83 người, đại diện cho 7.218.256 cổ phần, chiếm tỷ lệ 83,43% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên.

3. Ông Trần Văn Hay thay mặt Ban tổ chức thông qua Thẻ lệ làm việc Đại hội và giới thiệu danh sách Chủ tọa đoàn, Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

a) Chủ tọa đoàn:

- Ông Nguyễn Anh Toàn, Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Thái Định, Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

b) Thư ký Đại hội: Bà Võ Thị Kim Hoa, Thư ký Công ty

c) Ban kiểm phiếu:

- Bà Nguyễn Thị Minh Hạc, Phó Phòng Tổ chức – Hành chính: Trưởng ban
- Bà Đoàn Thị Diễm, Phó Phòng Kinh doanh
- Ông Bùi Nhật Nam và Bà Lê Hạnh Quyên: Chuyên viên Phòng Kinh doanh
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai: Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán

- Ông Vũ Bảo Trung, Chuyên viên Phòng Tổ chức – Hành chính

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

4. Ông Nguyễn Anh Toàn thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

## **II. CÁC NỘI DUNG TRÌNH BÀY TẠI PHIÊN HỌP**

1. Ông Nguyễn Thái Định trình bày Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

2. Ông Nguyễn Anh Toàn trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

3. Ông Huỳnh Minh Triết trình bày Báo cáo kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát.

4. Ông Trần Văn Hay trình bày các tờ trình:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán;

- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021;

- Tờ trình thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020. Dự toán ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS năm 2021.

5. Ông Huỳnh Minh Triết trình bày Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.

6. Bà Mai Bích Thủy trình bày các tờ trình:

- Tờ trình thông qua ban hành mới Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên

- Tờ trình thông qua ban hành mới Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên

- Tờ trình thông qua ban hành mới Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên

7. Ông Huỳnh Minh Triết trình bày Tờ trình thông qua ban hành mới Quy chế hoạt động của BKS Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên

## **III. THẢO LUẬN**

Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất các nội dung và không có ý kiến gì khác.

## **IV. BIỂU QUYẾT**

Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thông qua các nội dung như sau:

**1. Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021**





Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2020		Tỷ lệ % TH/KH	Kế hoạch 2021
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Sản lượng xăng dầu	m <sup>3</sup>	161.500	161.599	100,1	165.000
2	Doanh thu	tỷ đồng	1.972	1.473,3		1.597,5
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	13,5	11,62	86,1	11,0
4	Phát triển mới CHXD	CH	3	2		2

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

**2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021**

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

**3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.**

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

**4. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán**

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2020 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng) thời điểm 31/12/2020
A	TỔNG TÀI SẢN	222.415.083.334
1	Tài sản ngắn hạn	102.355.938.861
2	Tài sản dài hạn	120.059.144.473
B	TỔNG NGUỒN VỐN	222.415.083.334
1	Nợ phải trả	91.838.786.212
2	Vốn chủ sở hữu	130.576.297.122
C	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.473.304.995.418
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.623.621.466
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.769.258.342

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

**5. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:**

**5.1. Thực hiện năm 2020:**

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%LNST)	Giá trị (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.769.258.342
2	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	25,00	2.442.314.586
-	Quỹ thưởng của Người quản lý	2,10	205.200.000

-	Quỹ khen thưởng của Người lao động	11,45	1.118.557.293
-	Quỹ phúc lợi	11,45	1.118.557.293
3	Trích Quỹ đầu tư phát triển	25,00	2.442.314.586
4	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ (4=1-2-3)		4.884.629.171
5	Lợi nhuận năm trước		952.645.459
6	Tổng lợi nhuận chưa chia cổ tức (6=4+5)		5.837.274.630
7	Chia cổ tức (6,5%VĐL) <sup>1</sup>		5.623.751.900
8	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau (8=6-7)		213.522.730

<sup>1</sup> Vốn điều lệ sau khi thực hiện phương án chia 5% cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu: 86.519.260.000 đồng.

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

### 5.2. Chi cổ tức năm 2020: Bằng tiền mặt

- Thời điểm chốt danh sách: Ngày 14/5/2021.

- Thời điểm chi cổ tức: Từ ngày 04/6/2021.

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

### 5.3. Kế hoạch năm 2021:

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

**6. Quyết toán thù lao, ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020. Phương án thù lao, ngân sách hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:**

**6.1. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021:**

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	6.500.000 đ/người/tháng	6.500.000 đ/người/tháng
2	Thành viên HĐQT	4.500.000 đ/người/tháng	4.500.000 đ/người/tháng
3	Kiểm soát viên	2.500.000 đ/người/tháng	2.500.000 đ/người/tháng
4	Thư ký Công ty	2.000.000 đ/người/tháng	2.000.000 đ/người/tháng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>327.849.385 đồng</b>	<b>Chi theo thực tế</b>

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

**6.2. Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021:**

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Hội đồng quản trị	24.797.542	80.000.000
2	Ban kiểm soát	21.322.661	30.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46.120.203</b>	<b>110.000.000</b>

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

### 7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:



Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (02 Trường Sơn, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty vì đã đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn và có mức phí ổn định, hợp lý.

Giao Người đại diện pháp luật Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị để thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2021.

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

#### **8. Thông qua nội dung Điều lệ và các quy chế**

- Thông qua nội dung và ban hành mới Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên và các quy chế: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký ban hành Điều lệ; Hội đồng quản trị ký, ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát ký, ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Biểu quyết: Đồng ý 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

#### **V. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT**

Thư ký trình bày dự thảo Nghị quyết trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông và đã được biểu quyết thông qua với 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên đã kết thúc vào lúc 11 giờ 20 phút ngày 23/4/2021.

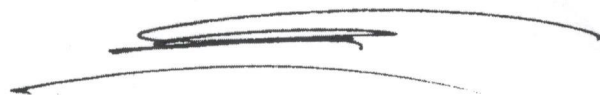
Biên bản này gồm 05 trang, được lập thành 03 bản chính, gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 01 bản, gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội 01 bản và 01 bản lưu tại văn phòng Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên.

**THƯ KÝ**



**Võ Thị Kim Hoa**

**TM. CHỦ TỌA ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Anh Toàn**

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 23/4/2018;

Căn cứ Biên bản họp ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất 100% thông qua các nội dung sau:

**1. Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021**

Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2020		Tỷ lệ % TH/KH	Kế hoạch 2021
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Sản lượng xăng dầu	m <sup>3</sup>	161.500	161.599	100,1	165.000
2	Doanh thu	tỷ đồng	1.972	1.473,3		1.597,5
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	13,5	11,62	86,1	11,0
4	Phát triển mới CHXD	CH	3	2		2

**2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.**

**3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.**

**4. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán**

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2020 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng) thời điểm 31/12/2020
A	TỔNG TÀI SẢN	222.415.083.334
1	Tài sản ngắn hạn	102.355.938.861
2	Tài sản dài hạn	120.059.144.473
B	TỔNG NGUỒN VỐN	222.415.083.334
1	Nợ phải trả	91.838.786.212
2	Vốn chủ sở hữu	130.576.297.122



C	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.473.304.995.418
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.623.621.466
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.769.258.342

**5. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:**

**5.1. Thực hiện năm 2020:**

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%LNST)	Giá trị (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.769.258.342
2	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	25,00	2.442.314.586
-	Quỹ thưởng của Người quản lý	2,10	205.200.000
-	Quỹ khen thưởng của Người lao động	11,45	1.118.557.293
-	Quỹ phúc lợi	11,45	1.118.557.293
3	Trích Quỹ đầu tư phát triển	25,00	2.442.314.586
4	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ (4=1-2-3)		4.884.629.171
5	Lợi nhuận năm trước		952.645.459
6	Tổng lợi nhuận chưa chia cổ tức (6=4+5)		5.837.274.630
7	Chia cổ tức (6,5%VĐL) <sup>1</sup>		5.623.751.900
8	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau (8=6-7)		213.522.730

<sup>1</sup> Vốn điều lệ sau khi thực hiện phương án chia 5% cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu: 86.519.260.000 đồng.

**5.2. Chi cổ tức năm 2020: Bằng tiền mặt**

- Thời điểm chốt danh sách: Ngày 14/5/2021.
- Thời điểm chi cổ tức: Từ ngày 04/6/2021.

**5.3. Kế hoạch năm 2021:**

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

**6. Quyết toán thù lao, ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020. Phương án thù lao, ngân sách hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:**

**6.1. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021:**

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	6.500.000 đ/người/tháng	6.500.000 đ/người/tháng
2	Thành viên HĐQT	4.500.000 đ/người/tháng	4.500.000 đ/người/tháng
3	Kiểm soát viên	2.500.000 đ/người/tháng	2.500.000 đ/người/tháng
4	Thư ký Công ty	2.000.000 đ/người/tháng	2.000.000 đ/người/tháng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>327.849.385 đồng</b>	<b>Chi theo thực tế</b>

**6.2. Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021:**

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Hội đồng quản trị	24.797.542	80.000.000
2	Ban kiểm soát	21.322.661	30.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46.120.203</b>	<b>110.000.000</b>

**7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:**

Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (02 Trường Sơn, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty vì đã đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn và có mức phí ổn định, hợp lý.

Giao Người đại diện pháp luật Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị để thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2021.

**8. Thông qua nội dung Điều lệ và các quy chế**

- Thông qua nội dung và ban hành mới Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên và các quy chế: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký ban hành Điều lệ; Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 23/4/2021. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo triển khai Nghị quyết. Ban kiểm soát có trách nhiệm theo dõi giám sát việc thực hiện và báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Nguyễn Anh Toàn**



Phú Yên, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC  
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020  
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021**

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên ngày 15/6/2020 về phương án phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2019, ngày 17/02/2021, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Phú Yên đã điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên hiện từ 82,4 tỷ đồng lên 86.519.260.000 đồng (tăng xấp xỉ 5% so với trước) – trong đó Tổng công ty Dầu Việt Nam vẫn là cổ đông giữ cổ phần chi phối với tỉ lệ sở hữu 67,13%. Cơ sở vật chất của Công ty thời điểm 31/12/2020 gồm Kho Xăng dầu Vũng Rô sức chứa 14.700 m<sup>3</sup> và 52 CHXD trực thuộc đứng chân trên địa bàn 5 tỉnh gồm Phú Yên (32 cửa hàng), Gia Lai (16 cửa hàng), Khánh Hòa (2 cửa hàng), Bình Định và Đắk Lắk (mỗi nơi 1 cửa hàng). Trong số trên có 29 CHXD thuộc sở hữu của Công ty, được hình thành dưới 2 hình thức là xây dựng mới và nhận chuyển nhượng. Tổng số CBCNV trong danh sách thời điểm 31/12/2020 là 281, trong đó riêng khối CHXD chiếm đến 68% CBCNV toàn Công ty.

Theo chính sách bán hàng hiện hành, PVOIL Phú Yên vẫn là cánh tay nối dài của công ty mẹ Tổng công ty Dầu Việt Nam, hoạt động kinh doanh xăng dầu nhớt trên địa bàn tỉnh Phú Yên và 4 tỉnh có địa giới hành chính với Phú Yên gồm Bình Định, Khánh Hòa, Gia Lai và Đắk Lắk. Nguồn hàng xăng dầu cung ứng cho các địa phương trên có xuất phát điểm từ Kho Xăng dầu Vũng Rô (Phú Yên) và Kho Xăng dầu Dung Quất (Quảng Ngãi).

Về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, Công ty triển khai thực hiện theo Quyết định chấp thuận kế hoạch của Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam, đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua tại cuộc họp thường niên diễn ra vào ngày 15/6/2020.

Về phương hướng nhiệm vụ của năm 2021, Công ty xây dựng trên cơ sở bối cảnh của năm 2020; dự báo diễn biến thị trường và chính sách điều hành kinh doanh xăng dầu của Nhà nước nói chung, của công ty mẹ nói riêng; mục tiêu, tầm nhìn của doanh nghiệp đã được Tổng công ty phê duyệt và những số liệu mang tính định hướng theo hướng dẫn của công ty mẹ.

Từ những căn cứ nêu trên, báo cáo của Giám đốc Công ty tại ĐHĐCĐ hôm nay gồm 2 phần:

**PHẦN I  
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

Cũng như tất cả các đơn vị thành viên kinh doanh xăng dầu nội địa trong toàn hệ thống, hoạt động kinh doanh của PVOIL Phú Yên trong năm 2020 không tránh khỏi những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19 và việc suy giảm giá dầu. Tuy vậy, với sự nỗ lực cao nhất, PVOIL Phú Yên đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu cả về lượng và chất trong năm 2020.

## *Thứ nhất, về kết quả hoạt động kinh doanh và đầu tư*

### 1. Về sản lượng:

Tổng sản lượng xăng dầu thực hiện cả năm 2020 đạt 161,599 triệu lít. Tuy sản lượng hoàn thành vượt mức kế hoạch không đáng kể nhưng tăng 1,3% so với thực hiện năm 2019 – một tỉ lệ hết sức khiêm tốn nhưng lại rất đáng trân trọng trong bối cảnh của năm 2020.

Đặc biệt với 52 CHXD thời điểm 31/12/2020, tăng chỉ 2 CHXD so với thời điểm 31/12/2019 nhưng riêng sản lượng kênh CHXD đạt 56,716 triệu lít, tăng đến 7,5% so với thực hiện năm 2019, chiếm đến 35,1% trong tổng sản lượng. Sản lượng bình quân mỗi cửa hàng là 92,9 m<sup>3</sup>/tháng, tăng 2,2 m<sup>3</sup>/tháng so với thực hiện năm 2019.

Sản lượng theo chương trình khách hàng thành viên PVOIL EASY đạt 5.785 m<sup>3</sup> bằng 152% kế hoạch do công ty mẹ giao.

Tỉ lệ sản lượng xăng sinh học E5 trong tổng sản lượng xăng tiêu thụ tại CHXD trực thuộc còn 72% (năm 2019 là 78%). Nguyên nhân chủ yếu là chênh lệch giá bán lẻ giữa 2 loại xăng ngày càng thu hẹp phần nào ảnh hưởng đến tâm lý của người tiêu dùng. Tuy nhiên, về lâu dài, không vì những hạn chế trước mắt mà chúng ta quên đi việc quảng bá xăng sinh học E5 trên địa bàn kinh doanh.

### 2. Về hoạt động Kho Xăng dầu Vũng Rô:

Đã không để xảy ra sự cố mất an toàn trong quá trình vận hành của Kho. Vòng quay của Kho đạt 1,76 vòng/tháng – cao nhất từ trước đến nay. Tổng lượng hàng hóa (Dầu DO và Xăng RON95) tiết giảm hao hụt được 415,081 m<sup>3</sup>, giá trị tương ứng 3,564 tỷ đồng.

Lượng xăng sinh học E5 pha chế tại Kho xấp xỉ 57,5 triệu lít, tăng gần 2% so với thực hiện năm 2019.

### 3. Về đầu tư xây dựng và mua sắm:

Do những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19, nhiều hạng mục đầu tư xây dựng và mua sắm trong năm 2020 đã phải giãn tiến độ hoặc chuyển tiếp sang năm 2021. Dưới đây là một số hạng mục, công việc chủ yếu đã được triển khai trong năm 2020:

- Thuê của Tổng công ty Dầu Việt Nam CHXD Xuân Long (Quốc lộ 19C, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân), khai trương và đưa vào hoạt động ngày 01/4/2020.

- Xây dựng mới CHXD Đông La Hai trên diện tích đất 1.110 m<sup>2</sup>, tổng mức đầu tư chừng 5,5 tỷ đồng, khai trương và đưa vào hoạt động ngày 30/12/2020.

- Hoàn thiện, đưa vào vận hành hệ thống phần mềm kế toán (cả máy chủ và thiết bị đi kèm), giá trị xấp xỉ 550 triệu đồng.

- Triển khai sửa chữa, mở rộng và đưa vào khai thác 1/3 đoạn đường từ cổng Kho Xăng dầu Vũng Rô đến trạm van theo Nghị quyết của HĐQT.

- Mua sắm mới 1 bộ lưu lượng kế và 2 cần cấp phát xăng dầu phục vụ việc giao nhận hàng hóa tại Kho Xăng dầu Vũng Rô.

- Bê tông hóa toàn bộ khu bồn Kho Xăng dầu Vũng Rô, giá trị xấp xỉ 541,2 triệu đồng.

### 4. Về lợi nhuận:



Điều hành chiết khấu theo sát thị trường; nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD (PVOIL Phú Yên đứng đầu bảng trong việc thực hiện Đề án nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD năm 2020) và chất lượng dịch vụ kho xăng dầu; triệt để cân nhắc, tiết kiệm trong chi tiêu, đầu tư, mua sắm; giảm thiểu tỉ lệ hao hụt; quản lý chặt chẽ công nợ là những nội dung then chốt góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dù vậy, cũng như các doanh nghiệp thành viên trong toàn hệ thống, hoạt động của PVOIL Phú Yên trong năm 2020 đã phải gánh chịu những tác động tiêu cực như đề cập trên. Cụ thể, có những thời điểm chiết khấu cao ngất trước khi giảm giá rất sâu nhưng tồn kho lại lớn. Lại có những thời điểm chiết khấu quá thấp và kéo dài, vượt xa chi phí kinh doanh hiện hữu, đặc biệt là chi phí kênh CHXD. Chính những diễn biến hết sức bất thường đó đã trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh xăng dầu của Công ty.

Theo đó, tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện cả năm 11,62 tỷ đồng.

(i) Nếu loại trừ 1 tỷ đồng thu được từ Công ty Cổ phần Điều Phú Yên thì lợi nhuận trước thuế thực hiện được 10,62 tỷ đồng.

(ii) Nếu so sánh với kế hoạch giao thì lợi nhuận trước thuế thực hiện 2020 chỉ bằng 79%.

Cần nói thêm, trong tổng số lợi nhuận trước thuế thực hiện 2020 có lợi nhuận từ cổ tức của Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn – Phú Yên xấp xỉ 1,7 tỷ đồng, tương ứng 18% vốn điều lệ.

Tuy lợi nhuận trước thuế không đạt kế hoạch nhưng PVOIL Phú Yên là đơn vị thành viên top đầu trong việc thực hiện chỉ tiêu này toàn hệ thống, bởi trong đó có không ít những đơn vị không những không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận mà còn thua lỗ trong năm 2020.

*Thứ hai, về công tác nhân sự, đào tạo và lao động sáng tạo*

1. Về công tác nhân sự:

Điểm nhấn của năm 2020 là việc kiện toàn nhân sự cấp trưởng đơn vị sau khi những người tiền nhiệm nghỉ hưu, bao gồm:

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Xuân Dũng giữ chức vụ Chủ nhiệm Kho Xăng dầu Vũng Rô từ 18/01/2020.

- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hồng Phương giữ chức vụ Kế toán trưởng từ 20/02/2020.

Đồng thời bổ nhiệm thêm 2 vị trí trưởng phòng mà trước đó các Phó Giám đốc Công ty kiêm nhiệm. Đó là trường hợp Ông Nguyễn Hữu Phúc giữ chức vụ Trưởng Phòng Kinh doanh và Bà Nguyễn Thị Thúy Nga giữ chức vụ Trưởng Phòng Kế hoạch – Đầu tư từ 01/10/2020.

Việc quy hoạch cán bộ do Công ty quản lý giai đoạn 2020-2025 cũng đã được triển khai, làm tiền đề cho công tác kiện toàn, bổ sung nhân sự lãnh đạo Công ty theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Về công tác đào tạo:

Đây là lĩnh vực mà Giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm, bởi trực tiếp liên quan đến việc hoàn thiện, bổ sung nguồn nhân lực trong hôm nay và mai sau. Theo đó đã quyết liệt triển khai thực hiện cả đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài; cả đào tạo riêng cho nhân sự lãnh đạo và đào tạo riêng cho nhân sự ở từng lĩnh vực công tác,... Nội dung đào tạo bao gồm những kiến thức chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ; về hệ thống quản lý tích hợp; về thực hành chỉ huy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; về các quy trình công việc liên quan đến đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ; về triển khai xây dựng và thực hiện hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công việc; về các quy định liên quan đến quyền lợi hợp pháp chính đáng của người lao động,... Đặc biệt, đến nay tất cả CBCNV được tuyển dụng từ 2019 trở về trước, ngoài việc được đào tạo nhập ngành, đều đã được tham gia khóa đào tạo kỹ năng mềm (teambuilding) tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; từ đó giúp người lao động cùng nâng cao hiểu biết, mở rộng tầm nhìn, cùng đoàn kết, gắn bó trong ngôi nhà chung, góp phần thực hiện tốt nhất công việc được giao.

### 3. Về lao động sáng tạo:

Tiếp tục hưởng ứng phong trào lao động sáng tạo, trong năm đã có 5 sản phẩm được Hội đồng sáng kiến Công ty công nhận và ứng dụng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy số lượng sản phẩm được công nhận còn khiêm tốn, đề tài chưa được phong phú nhưng sức lan tỏa của phong trào đã tạo tiền đề đáng kể để CBCNV mạnh dạn phát huy “chất xám” của mình trong thời gian đến.

#### *Thứ ba, về một số hoạt động khác diễn ra trong năm*

Khác với tất cả những năm trước, nhiều đầu việc phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty đã không triển khai được như lộ trình đặt ra ban đầu. Những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 trong năm đã khiến nhiều hội thi tay nghề, văn nghệ thể thao, các sinh hoạt hướng về cộng đồng, các chương trình tham quan, nghỉ mát,... do Tổng công ty và Công ty dự định tổ chức phải gác lại vô thời hạn. Chỉ hai sự kiện rất có ý nghĩa sau như thể “đúng hẹn lại lên” được tổ chức và cùng diễn ra trong quý 4/2020:

- Hội thao CBCNV Công ty lần thứ V - Năm 2020 (định kỳ 2 năm một lần) diễn ra vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập PVOIL Phú Yên 20/12.

- Hoạt động “Gặp mặt, tri ân khách hàng” năm 2020 nhằm gắn kết, thắt chặt quan hệ hợp tác giữa PVOIL Phú Yên và quý khách hàng, được tổ chức tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa trong tuần tháng 12/2020.

\*\*\*

Tóm lại, trong bối cảnh hoạt động kinh doanh xăng dầu tiếp tục chịu nhiều áp lực khó lường, đặc biệt là hiện tượng hàng gian, hàng giả chưa được chặn đứng, cộng với những tác động tiêu cực từ các yếu tố khách quan ngay từ đầu năm; thế nhưng con thuyền PVOIL Phú Yên vẫn giữ vững được tay chèo trong cơn sóng dữ. Tổng sản lượng xăng dầu vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý. Đặc biệt kênh CHXD – kênh quyết định hiệu quả kinh doanh của Công ty trong dài hạn – đã chiếm hơn 1/3 tổng sản lượng. Tuy lợi nhuận không đạt được như mục tiêu đặt ra nhưng về cơ bản quyền lợi của cổ đông vẫn được duy trì, đồng thời có thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển. Cho dù vậy, vinh dự luôn đi kèm với thách thức, và đây cũng chính là áp lực đối với bộ máy điều hành của PVOIL Phú Yên trong việc tự khẳng định mình trên bước đường tồn tại và phát triển.



## KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện		Tỷ lệ (%)	
				2020	2019	So với KH	So với cùng kỳ
A	Sản lượng xăng dầu	m <sup>3</sup>	161.500	161.599	159.462	100,1	101,3
	Trong đó: Kênh CHXD	“	57.000	56.716	52.758	99,5	107,5
	Tỉ lệ kênh CHXD	%	35,3	35,1	33,1		
B	Doanh thu	tỷ đồng	1.972	1.473,3	2.080,8		
C	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	13,5	11,62	22,26	86,1	52,2
1	Hoạt động kinh doanh chính	“	13,5	10,62	20,26	78,7	52,4
2	Hoạt động điều	“	-	1,00	2,00		
D	Số CHXD phát triển mới	CH	3	2	5		

### PHẦN II: VỀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA NĂM 2021

Năm 2021 dự báo tình hình vẫn còn nhiều khó khăn và biến động phức tạp khó lường. Trong khi chờ Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu, chắc chắn số lượng “thương nhân kinh doanh nhập khẩu xăng dầu”, đặc biệt là “thương nhân phân phối xăng dầu” sẽ không dừng lại; nguồn hàng trôi nổi chắc chắn vẫn chưa được kiểm soát triệt để. Hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty, vì thế vẫn luôn chịu nhiều áp lực cả tích cực lẫn tiêu cực. Vấn đề cạnh tranh thị phần tiêu thụ bằng các công cụ như chiết khấu, nguồn hàng, thanh toán sẽ diễn ra gay gắt hơn.

Ngoài những nguyên nhân nội tại như trên, việc tăng trưởng sản lượng sẽ ngày càng khó khăn hơn khi điện năng đang dần trở thành nguồn năng lượng “sạch” thay thế xăng dầu trong việc cho lăn bánh các phương tiện cá nhân.

Thêm vào đó, mặc dù bùng phát đã hơn 1 năm rồi nhưng nguy cơ tái phát đại dịch Covid-19 trong cộng đồng luôn hiện hữu.

Trên cơ sở những diễn biến bất lợi gần như là mặc định trong thời gian tới, mục tiêu và tầm nhìn của doanh nghiệp được Tổng công ty phê duyệt; các căn cứ xây dựng kế hoạch do Tổng công ty hướng dẫn, đặc biệt là kết quả từ cuộc họp chuyên đề về kế hoạch năm 2021 diễn ra nửa đầu tháng 12/2020, các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu cho năm 2021 được đề ra như sau:

#### 1/ Về sản lượng:

Tổng lượng xăng dầu tiêu thụ 165 triệu lít, tăng 2,1% so với thực hiện năm 2020.

Trong đó kênh CHXD phấn đấu 59 triệu lít chiếm gần 36% tổng sản lượng, tăng 4% so với thực hiện năm 2020.

Riêng sản lượng PVOIL EASY phấn đấu đạt 6.400 m<sup>3</sup> tăng 10% so với thực hiện năm 2020.

### 3/ Về lợi nhuận trước thuế:

Tổng lợi nhuận trước thuế kỳ vọng 11 tỷ đồng.

(Chưa bao gồm lợi nhuận thu được từ Công ty Cổ phần Điều Phú Yên)

4/ Số CHXD phát triển trong năm dưới hình thức xây dựng mới tối thiểu là 2, đưa tổng số CHXD trực thuộc Công ty ít nhất 54 cửa hàng.

Để thực hiện được các chỉ tiêu về sản lượng, tài chính và đầu tư nêu trên, đảm bảo an toàn trong kinh doanh và quản lý, những giải pháp chủ yếu sau đây sẽ được Giám đốc Công ty triển khai trong năm 2021:

Với mục tiêu tăng trưởng sản lượng trong điều kiện có những diễn biến bất lợi như kể trên, trên hết và cũng là điều kiện tiên quyết là phải giữ ổn định thị trường và các kênh tiêu thụ, tìm kiếm thêm các khách hàng mới thông qua việc vận dụng linh hoạt các công cụ về chiết khấu và đầu tư cơ sở vật chất, về hạn mức công nợ và thanh toán để luôn tạo sự gắn kết lâu dài giữa doanh nghiệp với hệ thống phân phối, không ngừng nâng cao sản lượng và quảng bá thương hiệu PVOIL trên địa bàn được phân công. Tuy nhiên, không vì áp lực tăng trưởng mà chạy đua theo thị trường gây tổn hại nguồn lực trong hệ thống, đồng thời để khách hàng lợi dụng phát sinh những tiềm ẩn rủi ro, bất lợi.

Hai là, tiếp tục kiên trì đổi mới, tạo ra sự khác biệt trong việc triển khai thực hiện Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ tại tất cả các CHXD trực thuộc. Quan tâm đúng mức việc đầu tư chỉnh trang, sửa chữa, nâng cấp CHXD để luôn duy trì bộ mặt khang trang, cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, an toàn tại tất cả các cửa hàng.

Ba là, đầu tư bảo dưỡng, sửa chữa hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất ở Kho Xăng dầu Vũng Rô theo kế hoạch đã được phê duyệt để đảm bảo Kho luôn trong trạng thái an toàn, hiệu quả. Tiếp tục duy trì và thực hiện tốt nhất các tiêu chí nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ kho xăng dầu theo Đề án 808 của Tổng công ty. Đặc biệt, triển khai dự án nâng sức chứa tại Kho Xăng dầu Vũng Rô trên cơ sở đảm bảo khai thác Kho thuận lợi về lâu dài và phù hợp với nhu cầu kinh doanh của toàn hệ thống Tổng công ty Dầu Việt Nam.

Bốn là, tăng cường nắm bắt thông tin để tiếp cận những vị trí có thể nhận chuyển nhượng đất để xây dựng mới CHXD nhằm phát triển CHXD trên địa bàn được phân công một cách vững chắc. Đặc biệt, kiên trì bám sát các chủ trương của tỉnh Phú Yên về quỹ đất dành cho đầu tư xây dựng CHXD để không bỏ qua những cơ hội tốt nhất.

Năm là, tiếp tục kiện toàn nhân sự bộ máy điều hành, tăng cường đào tạo đặc biệt là đào tạo nội bộ và tự đào tạo để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Tiếp tục rà soát để kịp thời bổ sung, sửa đổi và xây dựng mới các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn công việc có ảnh hưởng trực tiếp, thường xuyên đến hoạt động của Công ty. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành, xử lý chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc hoàn thiện hệ thống phần mềm kế toán và triển khai lắp đặt hệ thống phần mềm quản lý CHXD.

Sáu là, triệt để quan tâm công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các biện pháp thực hành tiết kiệm chống lãng phí, giảm hao hụt để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Cuối cùng, duy trì có hiệu quả các hoạt động xã hội từ thiện, các phong trào hướng về cộng đồng đi đôi với việc quảng bá thương hiệu, hình ảnh của một công ty niềm yết ra công chúng.



## MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH 2021

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỉ lệ (%)	
						(5)/(4)	(6)/(5)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(5)/(4)	(6)/(5)
A	Sản lượng xăng dầu	m <sup>3</sup>	161.500	161.599	165.000	100,1	102,1
	Trong đó: Kênh CHXD	“	57.000	56.716	59.000	99,5	104,0
	Tỉ lệ kênh CHXD	%	35,3	35,1	35,8		
B	Doanh thu	tỷ đồng	1.972	1.473,3	1.597,5		
C	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	13,5	11,62	11,0	86,1	94,6
1	Hoạt động kinh doanh chính	“	13,5	10,62	11,0	78,7	103,6
2	Hoạt động điều	“	-	1,00	-		
D	Số CHXD phát triển mới	CH	3	2	2		

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thái Định**

Phú Yên, ngày 23 tháng 4 năm 2021

## **BÁO CÁO CỦA HĐQT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 & PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021**

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), Tôi xin trân trọng báo cáo với toàn thể quý vị cổ đông kết quả hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (PVOIL Phú Yên) năm 2020 và định hướng phương hướng nhiệm vụ năm 2021 như sau:

### **PHẦN I KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

#### **I. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2020, cũng như các doanh nghiệp khác, hoạt động kinh doanh xăng dầu của PVOIL Phú Yên không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực kép từ đại dịch Covid-19 và việc suy giảm giá dầu trên thế giới. Tuy vậy, PVOIL Phú Yên đã nỗ lực hoàn thành về cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch được giao, đặc biệt là chỉ tiêu tăng trưởng sản lượng kênh CHXD, đồng thời đảm bảo an toàn về nguồn vốn và công nợ trong kinh doanh; về tiết kiệm trong chi phí hoạt động và hiệu quả trong quản lý hàng hóa. Cụ thể:

- Tổng sản lượng xăng dầu thực hiện cả năm 2020 đạt 161,599 triệu lít. Tuy sản lượng hoàn thành vượt mức kế hoạch không đáng kể nhưng tăng 1,3% so với thực hiện năm 2019.

- Doanh thu đạt 1.473 tỷ đồng, bằng 74,7% so với kế hoạch năm và giảm 2,2% so với năm trước.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 11,624 tỷ đồng, hoàn thành 86,1% kế hoạch năm. Tuy lợi nhuận trước thuế không đạt kế hoạch nhưng PVOIL Phú Yên là đơn vị thành viên top đầu trong việc thực hiện chỉ tiêu này toàn hệ thống, bởi trong đó có không ít những đơn vị không những không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận mà còn thua lỗ trong năm 2020.

- Phát triển thêm 02 CHXD, hoàn thành 2/3 chỉ tiêu kế hoạch.

- Đảm bảo an toàn, hiệu quả trong mọi mặt hoạt động của Công ty; nâng cao chất lượng quản trị hệ thống; đẩy mạnh các hoạt động vì cộng đồng.

Trong điều hành hoạt động của Công ty, Giám đốc và ban điều hành đã tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động của Công ty theo đúng nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT. Kết quả kinh doanh năm 2020 đạt được khả quan trong bối cảnh thị trường xăng dầu tiếp tục diễn biến phức tạp bởi dịch Covid-19 đã góp phần giữ vững sự ổn định, củng cố niềm tin từ người lao động, đối tác, khách hàng của Công ty.

- Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Giám đốc đã tuân thủ đúng phân cấp tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty; đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT và diễn biến thị trường xăng dầu nhằm đạt được những mục tiêu kế hoạch năm 2020 của Công ty.



- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các qui định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

## II. Hoạt động của HĐQT năm 2020

HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được qui định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế để lãnh đạo các mặt hoạt động của Công ty. Một số nhiệm vụ trọng tâm đã thực hiện như sau:

- Lãnh đạo Công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ giao; tình hình tài chính lành mạnh; bảo toàn và phát triển vốn;

- Quyết định công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT;

- Quyết định và chỉ đạo giám sát chặt chẽ công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT;

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021 trình ĐHĐCĐ; chỉ đạo chuẩn bị nội dung và công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;

- Chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, hoàn thiện và ban hành hệ thống văn bản quản trị nội bộ; ban hành các quy chế áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn;

- Tăng cường công tác phối hợp giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

### 1/ Hoạt động của từng thành viên HĐQT:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lĩnh vực phân công
1	Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch HĐQT	Lập chương trình hoạt động, theo dõi, đôn đốc công việc chung của HĐQT. Tổ chức ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT.
2	Nguyễn Thái Định	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh và đầu tư, cơ cấu tổ chức và nhân sự của Công ty. Trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty
3	Trần Văn Hay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty	Giám sát công tác lao động, tiền lương và chính sách đối với người lao động, công tác thanh kiểm tra và xử lý khiếu nại; công tác an toàn, PCCN.
4	Mai Bích Thủy	Thành viên HĐQT	Giám sát hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, công tác huy động, quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty.
5	Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT độc lập	Giám sát việc thực hiện các quy chế do HĐQT ban hành; theo dõi cổ đông.

Toàn bộ các thành viên HĐQT làm việc theo chế độ kiêm nhiệm

Theo lĩnh vực được phân công, các thành viên HĐQT đã chủ động lên kế hoạch làm việc và định kỳ giám sát, đôn đốc Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất và đồng thuận cao của tất cả các thành viên trong HĐQT, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

## 2/ Các cuộc họp của HĐQT

HĐQT duy trì họp định kỳ mỗi quý nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các định hướng, chỉ đạo trong việc điều hành hoạt động của Công ty tại từng thời điểm, từng giai đoạn. Bên cạnh đó, cũng đã thông qua hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo các vấn đề quan trọng, cấp thiết liên quan đến đầu tư, nhân sự, kế hoạch.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp, đồng thời có 12 lần tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT. Việc tổ chức các phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT thực hiện theo đúng quy định, quy chế, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

HĐQT đã ban hành 37 nghị quyết trong năm 2020, cụ thể:

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2020/NQ-HĐQT	13/01/2020	Về nhân sự Chủ nhiệm Kho Xăng dầu Vũng Rô
2	01A/2020/NQ-HĐQT	13/01/2020	Về phê duyệt nâng hệ số lương chức danh cho Người quản lý
3	02/2020/NQL YK-HĐQT	18/01/2020	Về điều chỉnh dự án đầu tư CHXD Đông La Hai tại Km 12+100 ĐT 641 (T), khu phố Long An, TT La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
4	03A/2020/NQ LYK-HĐQT	18/01/2020	Về thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
5	03/NQ-HĐQT	19/02/2020	Về bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty
6	04/2020/NQ-HĐQT	30/3/2020	Về thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2020
7	05/2020/NQ-HĐQT	30/3/2020	Về bán hàng trả chậm theo hình thức nợ tín chấp
8	06/2020/NQ-HĐQT	30/3/2020	Về thông qua chủ trương thuê CHXD Thành Phát số 01
9	07/2020/NQ-HĐQT	30/3/2020	Về đầu tư sửa chữa giai đoạn 2 đường vào Kho Xăng dầu Vũng Rô
10	08/2020/NQ-HĐQT	30/3/2020	Về việc thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
11	09/2020/NQ-HĐQT	30/3/2020	Về thông qua ban hành Quy chế trích lập và phân phối Quỹ thưởng của Người quản lý Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên
12	10/2020/NQ-HĐQT	30/3/2020	Về thông qua gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
13	11A/2020/NQ-HĐQT	04/5/2020	Về chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
14	12/2020/NQL YK-HĐQT	15/5/2020	Về thông qua phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2019
15	13/2020/NQL YK-HĐQT	15/5/2020	Về chấm dứt hiệu lực của Quy chế quản lý hoạt động CHXD



16	14/2020/NQL YK-HĐQT	15/5/2020	Về thông qua ban hành Quy chế trích lập và chi trả thù lao đối với Người quản lý Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên
17	16/2020/NQ- HĐQT	15/6/2020	Về thông qua Báo cáo kết quả hoạt động quý 1/2020
18	17/2020/NQ- HĐQT	15/6/2020	Về thông qua việc cho Giám đốc được sử dụng tài sản Công ty thế chấp vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư
19	18/2020/NQ- HĐQT	15/6/2020	Về thông qua phương án đầu tư xây dựng CHXD Sơn Long
20	19/2020/NQ- HĐQT	18/6/2020	Về phân phối quỹ thưởng năm 2019 của Người quản lý Công ty
21	20/2020/NQ- HĐQT	18/6/2020	Về chốt danh sách cổ đông để chi cổ tức năm 2019 bằng tiền
22	21/2020/NQ- HĐQT	18/6/2020	Về bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025
23	22/2020/NQ- HĐQT	29/7/2020	Về triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi cổ tức năm 2019
24	23/2020/NQ- HĐQT	01/9/2020	Về bổ nhiệm lại các Phó Giám đốc Công ty
25	24/2020/NQ- HĐQT	29/9/2020	Về thông qua Báo cáo kết quả hoạt động quý 2/2020
26	25/2020/NQ- HĐQT	29/9/2020	Về phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Dự án: Nhận chuyển nhượng CHXD Minh Bình
27	26/2020/NQ- HĐQT	29/9/2020	Về phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Dự án: CHXD Kim Ánh
28	27/2020/NQ- HĐQT	29/9/2020	Về phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Dự án: Nhận chuyển nhượng CHXD Phú Sơn
29	28/2020/NQ- HĐQT	29/9/2020	Về phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số nội dung thuộc Quy chế quản lý dự án đầu tư xây dựng và mua sắm
30	29/2020/NQ- HĐQT	29/9/2020	Về phê duyệt đầu tư sửa chữa phần còn lại đường vào Kho Xăng dầu Vũng Rô
31	30/2020/NQ- HĐQT	29/9/2020	Về thống nhất bổ nhiệm Trưởng Phòng Kinh doanh và Trưởng Phòng Kế hoạch - Đầu tư Công ty
32	31/2020/NQ- HĐQT	29/9/2020	Về phê duyệt chấm dứt hiệu lực Quy chế tiếp nhận, xử lý và ban hành văn bản
33	32/2020/NQ- HĐQT	29/9/2020	Về phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số nội dung thuộc Quy chế phân cấp đầu tư
34	33/2020/NQ- HĐQT	02/12/2020	Về chấm dứt hiệu lực của Quy chế bán hàng
35	34/2020/NQ- HĐQT	02/12/2020	Về ban hành Quy chế quản lý hàng hóa nhiên liệu lỏng

36	35/2020/NQ-HĐQT	14/12/2020	Về thông qua ngày đăng ký cuối cùng và ngày thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019
37	35/2020/NQL YK-HĐQT	23/12/2020	Về thông qua thay đổi ngày đăng ký cuối cùng và ngày thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu nhận cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu

### 3/ Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập

Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó, tham gia đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề cần sự quyết định của HĐQT và tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công công việc của HĐQT.

Đánh giá về hoạt động của HĐQT và của Công ty trong năm 2020, Thành viên độc lập HĐQT có ý kiến như sau:

- HĐQT của Công ty là một tập thể đoàn kết, trí tuệ, có trình độ chuyên môn và đầy nhiệt huyết; hoạt động của HĐQT tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; tuân thủ đầy đủ các quy định đối với công ty niêm yết. HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ; tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các vấn đề theo thẩm quyền; thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Ban điều hành Công ty đã hết sức nỗ lực và có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, hiệu quả trong bối cảnh thị trường diễn biến vô cùng phức tạp, cạnh tranh gia tăng, giúp Công ty hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ kế hoạch được giao.

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh đặc thù. Hàng năm ngoài kiểm toán độc lập được cổ đông lựa chọn, còn có sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước như cơ quan thuế, thanh tra các cấp,... Các mặt hoạt động của Công ty được hỗ trợ và chịu sự theo dõi giám sát của công ty mẹ - Tổng công ty Dầu Việt Nam. Vì vậy, các cổ đông có thể hoàn toàn yên tâm và tin tưởng vào tính tuân thủ và minh bạch trong hoạt động kinh doanh, đầu tư và mức độ chuẩn xác của các số liệu báo cáo.

### 4/ Thù lao, chi phí và lợi ích khác của HĐQT năm 2020

a) Tiền lương/Thù lao: 1.672 triệu đồng. Trong đó:

- Thù lao cho 03 thành viên không điều hành: 186 triệu đồng

- Tiền lương và phụ cấp kiêm nhiệm cho 02 thành viên điều hành: 1.486 triệu đồng.

b) Chi phí hoạt động: 24,8 triệu đồng bằng 31% kế hoạch được ĐHĐCĐ 2020 thông qua.

### 5/ Giao dịch với những người có liên quan

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, các nhân sự quản lý khác và những người có liên quan.

### 6/ Kết quả giám sát đối với Giám đốc và Ban điều hành

- Giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động của Công ty theo đúng nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT, đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT và diễn biến thị trường xăng dầu nhằm đạt được những mục tiêu kế hoạch năm 2020 của Công ty. Kết quả kinh doanh năm 2020 đạt được khả quan trong bối cảnh thị trường xăng



dầu tiếp tục diễn biến phức tạp đã góp phần giữ vững sự ổn định, củng cố niềm tin từ người lao động, đối tác, khách hàng của Công ty;

- Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Giám đốc và Ban điều hành đã tuân thủ theo đúng phân cấp tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

## **PHẦN II PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Dịch bệnh Covid-19 vẫn đang tiếp tục hoành hành ở nhiều khu vực trên thế giới và Việt Nam cũng đang phải đối đầu với làn sóng mới này. Với diễn biến đó, tình hình kinh tế năm 2021 sẽ còn nhiều diễn biến khó lường, vì vậy HĐQT tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản trị Công ty, duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và đầu tư theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. Chủ yếu tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

### **1/ Về kinh doanh**

- Giữ ổn định thị trường và các kênh tiêu thụ, tìm kiếm thêm khách hàng mới thông qua việc vận dụng linh hoạt các công cụ về chiết khấu và đầu tư cơ sở vật chất

- Gia tăng mạnh sản lượng và tỷ trọng bán lẻ tại CHXD

- Khẳng định uy tín và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu PVOIL Phú Yên trên các địa bàn hoạt động

- Chất lượng dịch vụ tại Kho Xăng dầu Vũng Rô và các CHXD được đảm bảo, công tác chăm sóc khách hàng được chú trọng và ngày càng hiệu quả.

### **2/ Về tài chính**

- Sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn lực của Công ty

- Tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí hao hụt.

### **3/ Về đầu tư xây dựng cơ bản và duy tu bảo dưỡng**

- Các hạng mục đầu tư chủ yếu: Hoàn thành nâng cấp tuyến đường vào Kho Xăng dầu Vũng Rô; phát triển 02 CHXD.

- Giá trị đầu tư: Dự kiến 35,8 tỷ đồng trong đó vốn chủ sở hữu 11 tỷ đồng, vốn vay 24,8 tỷ đồng.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của HĐQT.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

  
**Nguyễn Anh Toàn**

Phú Yên, ngày 23 tháng 4 năm 2021

## BÁO CÁO CỦA BKS VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 & PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

### PHẦN 1 BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2020

#### A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

##### I. Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2020

1. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2020 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành; kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2020 theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thông kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính 2020 của Công ty.

##### II. Kết quả giám sát

##### 1. Kết quả giám sát đối với HĐQT

- HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban điều hành, Ban kiểm soát và các bộ phận chuyên môn tham gia, đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, bám sát và thực hiện nghiêm túc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty để ban hành các nghị quyết và quyết định theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty để định hướng hoạt động cho Ban điều hành.

- Các thành viên HĐQT không có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn của mình để trục lợi cá nhân hoặc xung đột lợi ích với Công ty.

- Đánh giá chung, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo năm 2020 của HĐQT.

##### 2. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Ban điều hành đã bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT để đưa ra các biện pháp chỉ đạo các phòng ban, các Chi nhánh, Kho Xăng dầu Vũng Rô chủ động trong công việc; áp dụng các biện pháp để tăng doanh thu, tiết giảm chi phí, kiểm



soát tốt hao hụt. Vì vậy Công ty đã hoàn thành về cơ bản kế hoạch sản lượng và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao.

- Về công tác tài chính: Ban điều hành chỉ đạo chặt chẽ việc quản lý công nợ nên trong năm đã giảm bớt các khoản nợ tồn đọng và không phát sinh công nợ mới. Các khoản nợ khó đòi được trích dự phòng đúng quy định.

- Về công tác nhân sự: Ban điều hành đã đề nghị HĐQT phê duyệt thay đổi nhân sự, bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại có thời hạn một số chức danh lãnh đạo phòng ban Công ty và lãnh đạo các chi nhánh phù hợp với các quy định và quy chế của Công ty.

- Đánh giá chung: Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, bám sát và thực hiện nghiêm túc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh, góp phần quyết định vào việc hoàn thành chỉ tiêu sản lượng và có lãi trong tình hình kinh doanh bất lợi trong năm 2020 vừa qua.

### **III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc và Cổ đông**

BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc. Các ý kiến của Cổ đông được giải thích rõ ràng, trung thực.

## **B. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020**

### **I. Báo cáo tài chính năm 2020**

1. Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Ban Giám đốc và Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty lập.

2. Báo cáo tài chính năm 2020 được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, đồng thời phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020.

3. Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại ngày 31/12/2020:

a) Vốn điều lệ 82,4 tỷ đồng, tương ứng với 8.240.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PPY.

b) Bảng cân đối kế toán (tóm tắt) tại ngày 31/12/2020:

*DVT: đồng*

NGUỒN VỐN		Số cuối năm	Số đầu năm
A/	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>102.355.938.861</b>	<b>97.250.312.061</b>
I.	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>2.040.280.069</b>	<b>1.899.346.506</b>
II.	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-
III.	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>62.208.499.044</b>	<b>67.963.684.770</b>
IV.	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>36.175.396.811</b>	<b>23.559.544.262</b>

V.	Tài sản ngắn hạn khác	1.931.762.937	3.827.736.523
<b>B/</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>120.059.144.473</b>	<b>124.783.390.325</b>
I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II.	Tài sản cố định	79.580.200.154	83.868.649.134
III.	Bất động sản đầu tư	-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	4.180.003.548	504.604.935
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	9.360.000.000	9.360.000.000
	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.360.000.000	9.360.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	26.938.940.771	31.050.136.256
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>222.415.083.334</b>	<b>222.033.702.386</b>

A/	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>91.838.786.212</b>	<b>93.015.289.828</b>
I.	Nợ ngắn hạn	81.233.118.212	82.977.411.048
II.	Nợ dài hạn	10.605.668.000	10.037.878.780
<b>B/</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>130.576.297.122</b>	<b>129.018.412.558</b>
I.	Vốn chủ sở hữu	130.576.297.122	129.018.412.558
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.400.000.000	82.400.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	34.032.616.656	29.436.293.986
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.143.680.466	17.182.118.572
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	5.072.645.459	17.182.118.572
-	LNST chưa phân phối kỳ này	9.071.035.007	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>222.312.840.910</b>	<b>222.033.702.386</b>

### TÌNH HÌNH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2020

*DVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Hệ số bảo toàn vốn
	<b>Vốn chủ sở hữu, trong đó:</b>	<b>129.018</b>	<b>130.576</b>	<b>1,01</b>
1	Vốn đầu tư chủ sở hữu	82.400	82.400	1,00
2	Quỹ đầu tư phát triển	29.436	34.032	1,16

#### I. Kết quả kinh doanh năm 2020



<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2020</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.473.304.995.418
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.473.304.995.418
4. Giá vốn hàng bán	1.366.753.658.183
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.551.337.235
6. Doanh thu hoạt động tài chính	3.153.992.279
7. Chi phí tài chính	40.092.903
Trong đó: Chi phí lãi vay	40.092.903
8. Chi phí bán hàng	83.638.956.901
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.795.362.727
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.230.916.983
11. Thu nhập khác	4.578.704.483
12. Chi phí khác	186.000.000
13. Lợi nhuận khác	4.392.704.483
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>11.623.621.466</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.457.831.869
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(603.468.745)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>9.769.258.342</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	1.048

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KH 2020</b>	<b>TH 2020</b>	<b>Tỉ lệ (%)</b>
<b>A</b>	<b>Sản lượng</b>				
<b>1</b>	<b>Xăng dầu</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>161.500</b>	<b>161.599</b>	<b>100,1</b>
	<b>Bán buôn</b>	<b>“</b>	<b>104.500</b>	<b>104.883</b>	
	- TNPP/TĐL/ĐL/TNNQ	“	101.400	99.597	
	- Khách hàng công nghiệp	“	3.100	2.421	
	- Nội bộ PVOIL	“	-	2.865	
	<b>Cửa hàng xăng dầu</b>	<b>“</b>	<b>57.000</b>	<b>56.716</b>	<b>99,5</b>
	- Tỉ lệ kênh CHXD	%	35,3	35,1	
	- PVOIL EASY	m <sup>3</sup>	3.800	5.785	
	Trong đó: Sản lượng mới	“	665	1.774	
	<b>Xăng sinh học E5</b>	<b>“</b>	<b>34.790</b>	<b>33.254</b>	

<b>2</b>	<b>Dầu mỡ nhờn</b>	<b>lít</b>	<b>65.000</b>	<b>66.370</b>	<b>102,1</b>
<b>B</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>1.972</b>	<b>1.473,3</b>	
	Trong đó: Kho Vũng Rô	“	8,54	8,61	
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>tỷ đồng</b>	<b>13,50</b>	<b>11,62</b>	<b>86,1</b>
<b>1</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	“	<b>13,50</b>	<b>10,62</b>	<b>78,7</b>
	- Kinh doanh xăng dầu	“	9,30	3,85	
	- KDHH, DV khác	“	3,00	5,08	
	Trong đó: Kho Vũng Rô	“	2,40	4,62	
	- Thu nhập khác	“	1,20	1,69	
<b>2</b>	<b>Hoạt động điều</b>	“	-	<b>1,00</b>	
<b>D</b>	<b>Số CHXD phát triển mới</b>	<b>CH</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	

❖ **Nhận xét:**

- Sản lượng bán ra năm 2020 là **161,599** triệu lít, đạt >100% kế hoạch năm.
- Doanh thu năm 2020 đạt **1.473,3** tỷ đồng, đạt 74,71% kế hoạch năm.
- Tổng chi phí kinh doanh trong kỳ: 102,57 tỷ đồng, đạt 91,1% kế hoạch năm
- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 11,623 tỉ, đạt 86,22% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 9,769 tỷ đồng.
- Số CHXD cho đến 31/12/2020 là 52, tăng 1 CH so với thời điểm đầu năm 2020, tỷ lệ bán lẻ đạt 35,1% (tăng 2,01% so với 33,09% tại cuối năm 2019).
- Trong năm đã thu hồi thêm 1 tỉ công nợ từ Cty Điều.

1. Kiểm soát công nợ phải thu, phải trả:

- Công ty ưu tiên thực hiện chính sách bán hàng thanh toán trả ngay nhằm đảm bảo an toàn về tài chính. Với khách hàng mua trả sau, ưu tiên và khuyến khích sử dụng hình thức bảo lãnh thanh toán qua ngân hàng.

- Công nợ phải thu xăng dầu: Thời điểm 31/12/2020 là 66,08 tỷ đồng. Trong đó nợ trong hạn mức là 64,23 tỷ đồng, nợ vượt hạn mức và quá hạn là 1,84 tỷ đồng.

+ Về nợ có bảo lãnh:

Thời điểm 31/12/2020 có 75 thư bảo lãnh với giá trị 58,155 tỷ đồng, tất cả đều đã được thẩm định. Nợ phải thu khách hàng có bảo lãnh là 52,044 tỷ đồng, chiếm 79% tổng công nợ phải thu.

+ Về nợ có tài sản thế chấp: Không.

+ Về nợ tín chấp và thanh toán ngay:

Nợ phải thu khách hàng nợ tín chấp và thanh toán ngay là 14,03 tỷ đồng chiếm 21% tổng công nợ phải thu. Các trường hợp nợ quá hạn mức đều được Ban Giám đốc phê duyệt.



+ Nợ tồn đọng đến hết ngày 31/12/2020 là 641,538 triệu đồng. Trong đó 10 khách hàng không có khả năng thu hồi với tổng giá trị là 366,68 triệu đồng. Đã trích lập dự phòng 511,9 triệu cho số dư nợ này theo quy định.

+ Trong 2020 không phát sinh khoản nợ xấu nào.

Một số khách hàng hiện vẫn mua hàng theo hình thức tín chấp do uy tín, có quan hệ mua bán với Công ty từ nhiều năm nay và tất cả đều được BGD phê duyệt hạn mức nợ. Việc theo dõi, kiểm soát, xác nhận công nợ với số khách hàng này được tiến hành thường xuyên, BKS cũng theo sát biến động các khoản nợ này và cảnh báo BGD về rủi ro công nợ (nếu có).

Trong năm Công ty có khai triển hình thức khoán đặc thù cho các CHXD. Đến 31/12/2020 có 38 CHXD nhận khoán đặc thù. Khối lượng bán lẻ năm 2020 tăng 7,5% so với 2019, trong đó có 2% tăng do chính sách khoán đặc thù.

Các CH được chủ động đứng ra bảo lãnh công nợ cho khách hàng dựa trên việc các CHT tự thế chấp tài sản và yêu cầu Ngân hàng phát hành bảo lãnh cho số nợ mình đứng ra nhận với Công ty. Qua theo dõi chúng tôi thấy cách này hiệu quả do vừa nâng cao sản lượng, nâng cao trách nhiệm các cá nhân, vừa mang lại lợi tức thêm cho các cá nhân tham gia. Rất đáng để nhân rộng hơn nữa.

#### **IV. Về hiệu quả kinh doanh và hoạt động của CHXD:**

Công ty luôn chú trọng nâng cao phong cách và chất lượng phục vụ, thực hiện đúng quy trình bán hàng và tổ chức nhiều hình thức kinh doanh linh hoạt nhằm không ngừng thu hút khách hàng và gia tăng lượng hàng bán ra. Kênh bán lẻ ngày càng phát triển và đóng góp đáng kể vào lợi nhuận của Công ty.

#### **V. Kiểm soát chi phí**

Tổng chi phí thực hiện năm 2020 là 102,57 tỷ đồng (bằng 91,1% kế hoạch chi phí năm 2020).

Chi phí kinh doanh xăng dầu năm 2020 là 88,92 tỷ đồng, trong đó chi phí kinh doanh xăng dầu là 550 đồng/lít (kế hoạch năm 2020 593 đồng/lít).

#### **VI. Quản lý hàng hóa**

Tổng lượng xăng dầu nhập qua Kho Xăng dầu Vũng Rô năm 2020 là 279.248.244 lít (V15), tương ứng với 1,76 vòng/tháng.

Tổng giá trị thừa kiểm kê hàng hóa tại Kho Xăng dầu Vũng Rô năm 2020 là 3,564 tỷ đồng tương đương với khoảng 415,081 m<sup>3</sup> xăng dầu.

#### **C. Công tác đầu tư XDCB**

##### **I. Về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm**

Giá trị giải ngân năm 2020 là 5,284 tỷ đồng, trong đó: giá trị XDCB là 1,837 tỷ đồng; giá trị MSTTB là 284,7 triệu; đầu tư phát triển CHXD 3,158 tỷ đồng.

##### **II. Đánh giá tình hình quản lý các dự án đầu tư:**

Các dự án nhìn chung đều đạt tiến độ, hiệu quả và bảo đảm quy trình, thủ tục đầu tư.

## PHẦN 2

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

- Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp Ban kiểm soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty; phân công công tác các thành viên.

- Các thành viên tham gia họp HĐQT: Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Trên cơ sở các nội dung cuộc họp, Ban kiểm soát đã chuẩn bị các ý kiến đóng góp thuộc thẩm quyền sát với tình hình hoạt động của Công ty.

- Giám sát, kiểm tra tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban điều hành.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của HĐQT và Ban điều hành: Thực hiện kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành, tình hình tài chính, việc chấp hành các chế độ của Nhà nước và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

- Thăm tra các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực, khách quan, hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách hiện hành.

- Kiểm soát việc thực hiện các quy định về công bố thông tin của Công ty đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cũng như đăng thông tin trên Website của Công ty. Công tác công bố thông tin đã được thực hiện đầy đủ, gửi và công bố đúng hạn theo qui định đối với công ty niêm yết và yêu cầu của các cơ quan quản lý.

## PHẦN 3

### TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban kiểm soát Công ty hiện nay có 02 thành viên:

1. Ông Huỳnh Minh Triết, Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Lại Thị Thu Hoài, Kiểm soát viên

- Thu nhập Trưởng ban kiểm soát trong năm thực hiện theo quy chế, quy định của Công ty tổng cộng là 297.617.670 đồng.

Trong đó: Lương: 245.830.000 đồng; thu nhập khác: 51.787.670 đồng (*Quỹ khen thưởng NQL 2019: 38.965.670 đ; quỹ khen thưởng NLD 2020: 6.833.000 đ, thu nhập khác: 5.989.000 đ*).

- Phụ cấp Kiểm soát viên thực hiện trong năm là: 26.984.000 đồng.

- Chi phí Ban kiểm soát trong năm 2020 là : 21.322.661 đồng.



#### **PHẦN 4. KẾ HOẠCH NĂM 2021**

Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra giám sát theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Giám sát HĐQT và Ban điều hành thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021. Ngoài ra, sẽ thực hiện các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



---

**Huỳnh Minh Triết**

## TỜ TRÌNH

### Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cùng các quy định của pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính” (Trích ý kiến của Kiểm toán viên tại Báo cáo kiểm toán độc lập)

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ([www.pvoilphuyen.com.vn](http://www.pvoilphuyen.com.vn))

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán:

DVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng) thời điểm 31/12/2020
A	TỔNG TÀI SẢN	222.415.083.334
1	Tài sản ngắn hạn	102.355.938.861
2	Tài sản dài hạn	120.059.144.473
B	TỔNG NGUỒN VỐN	222.415.083.334
1	Nợ phải trả	91.838.786.212
2	Vốn chủ sở hữu	130.576.297.122
C	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.473.304.995.418
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.623.621.466
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.769.258.342

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Toàn



## TỜ TRÌNH

### Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi cổ tức năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 23/4/2018;

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C,

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi cổ tức năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

#### 1. Thực hiện năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%LNST)	Giá trị (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.769.258.342
2	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	25,00	2.442.314.586
-	Quỹ thưởng của Người quản lý	2,10	205.200.000
-	Quỹ khen thưởng của Người lao động	11,45	1.118.557.293
-	Quỹ phúc lợi	11,45	1.118.557.293
3	Trích Quỹ đầu tư phát triển	25,00	2.442.314.586
4	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ (4=1-2-3)		4.884.629.171
5	Lợi nhuận năm trước		952.645.459
6	Tổng lợi nhuận chưa chia cổ tức (6=4+5)		5.837.274.630
7	Chia cổ tức (6,5%VĐL) <sup>1</sup>		5.623.751.900
8	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm sau (8=6-7)		213.522.730

<sup>1</sup> Vốn điều lệ sau khi thực hiện phương án chia 5% cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu: 86.519.260.000 đồng.

#### 2. Chi cổ tức năm 2020: Bằng tiền mặt

- Thời điểm chốt danh sách: Ngày 14/5/2021.

- Thời điểm chi cổ tức: Từ ngày 04/6/2021.

#### 3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh Toàn**



**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua quyết toán thù lao, ngân sách hoạt động năm 2020 và phương án thù lao, ngân sách hoạt động năm 2021 của HĐQT, BKS**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 23/4/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 15/6/2020,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên báo cáo quyết toán thù lao, ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020. Phương án thù lao, ngân sách hoạt động năm 2021 của HĐQT, BKS như sau:

1. Quyết toán năm 2020:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH
1	Chủ tịch HĐQT	78.000.000	78.000.000	100,00
	(Mức chi trả 6.500.000 đ/tháng)			
2	Thành viên HĐQT (04 người)	216.000.000	198.865.385	92,07
	(Mức chi trả 4.500.000 đ/tháng)			
3	Kiểm soát viên (01 người)	30.000.000	26.984.000	89,95
	(Mức chi trả 2.500.000 đ/tháng)			
4	Thư ký Công ty	24.000.000	24.000.000	100,00
	(Mức chi trả 2.000.000 đ/tháng)			
5	Ngân sách hoạt động	100.000.000	46.120.203	46,12
-	HĐQT	80.000.000	24.797.542	31,00
-	Ban kiểm soát	20.000.000	21.322.661	106,61
	<b>Tổng cộng</b>	<b>448.000.000</b>	<b>373.969.588</b>	

2. Dự toán năm 2021:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Mức chi trả	Tổng cộng
1	Chủ tịch HĐQT	6.500.000 đ/tháng	78.000.000
2	Thành viên HĐQT (04 người)	4.500.000 đ/tháng	216.000.000
3	Kiểm soát viên (02 người)	2.500.000 đ/tháng	60.000.000
4	Thư ký Công ty	2.000.000 đ/tháng	24.000.000
5	Ngân sách hoạt động		110.000.000

	- HĐQT		80.000.000
	- Ban kiểm soát		30.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>488.000.000</b>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh Toàn**



## TỜ TRÌNH

### Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

#### 1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng, niêm yết;
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán;
- Không xung đột các quyền lợi và lợi ích hợp pháp khác khi thực hiện kiểm toán cho Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên;
- Đã có kinh nghiệm kiểm toán cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.

#### 2. Đề xuất:

Trên cơ sở các tiêu thức nêu trên Ban kiểm soát trình Đại hội xem xét và thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (02 Trường Sơn, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Giao Người đại diện pháp luật Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị để thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2021.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

  
**Huỳnh Minh Triết**

**TỜ TRÌNH**

**Thông qua ban hành mới Điều lệ tổ chức và hoạt động  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 155”);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155,

Để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành mới Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên; đồng thời giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới (Toàn văn dự thảo Điều lệ mới gồm 21 mục 58 điều được đăng tải trên website Công ty: [www.pvoilphuyen.com.vn](http://www.pvoilphuyen.com.vn)).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh Toàn**



**TỜ TRÌNH**

**Thông qua ban hành mới Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 155”);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155,

Nhằm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và giao cho Hội đồng quản trị ban hành mới Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ tại Công ty (Toàn văn dự thảo mới Quy chế nội bộ về quản trị Công ty gồm 12 chương 72 điều được đăng tải trên website Công ty: [www.pvoilphuyen.com.vn](http://www.pvoilphuyen.com.vn))

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh Toàn**

**TỜ TRÌNH**

**Thông qua ban hành mới Quy chế hoạt động của HĐQT  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Nhằm tuân thủ theo các thay đổi của quy định pháp luật hiện hành, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và giao cho HĐQT ban hành mới Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (Toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên gồm 7 chương 28 điều đăng tải trên website Công ty: [www.pvoilphuyen.com.vn](http://www.pvoilphuyen.com.vn))

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh Toàn**



**TỜ TRÌNH**

**Thông qua ban hành mới Quy chế hoạt động của BKS  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Nhằm tuân thủ theo các thay đổi của quy định pháp luật hiện hành, BKS kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và giao cho Ban kiểm soát ban hành mới Quy chế hoạt động của BKS Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (Toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của BKS Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên gồm 6 chương 22 điều được đăng tải trên website Công ty: [www.pvoilphuyen.com.vn](http://www.pvoilphuyen.com.vn))

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

  
**Huỳnh Minh Triết**

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐÀO KHÍ PHÚ YÊN

# ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

*Phú Yên, ngày 23 tháng 4 năm 2021*



## MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>5</b>
	Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	5
<b>II.</b>	<b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>6</b>
	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty .....	6
	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	6
<b>III.</b>	<b>MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..</b>	<b>7</b>
	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	7
	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....	8
<b>IV.</b>	<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....</b>	<b>8</b>
	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	8
	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	9
	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	9
	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	9
<b>V.</b>	<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....</b>	<b>9</b>
	Điều 10..... Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
<b>VI.</b>	<b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>9</b>
	Điều 11..... Quyền của cổ đông	9
	Điều 12..... Nghĩa vụ của cổ đông	11
	Điều 13..... Đại hội đồng cổ đông	12
	Điều 14..... Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ	13
	Điều 15... Người đại diện theo ủy quyền và việc ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	15
	Điều 16..... Thay đổi các quyền	16
	Điều 17..... Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ	16
	Điều 18..... Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	18
	Điều 19..... Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	18
	Điều 20..... Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua	20
	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết	
	Điều 22..... Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ	22
	Điều 23..... Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ	23
<b>VII.</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>23</b>

Điều 24.....	Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT	23
Điều 25.....	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	24
Điều 26.....	Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	25
Điều 27.....	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	26
Điều 28.....	Chủ tịch HĐQT	27
Điều 29.....	Cuộc họp của HĐQT	28
Điều 30.....	Các tiểu ban thuộc HĐQT	30
Điều 31.....	Người phụ trách quản trị Công ty	31
<b>VIII.</b>	<b>GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>31</b>
Điều 32.....	Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 33.....	Người điều hành Doanh nghiệp	32
Điều 34.....	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc	32
Điều 35.....	Thư ký Công ty	32
<b>IX.</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>33</b>
Điều 36.....	Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	33
Điều 37.....	Thành phần Ban kiểm soát	33
Điều 38.....	Trưởng Ban kiểm soát	34
Điều 39.....	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	34
Điều 40.....	Cuộc họp của Ban kiểm soát	35
Điều 41.....	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	35
<b>X.</b>	<b>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC ..</b>	<b>35</b>
Điều 42.....	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	36
Điều 43.....	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
<b>XI.</b>	<b>QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>	<b>37</b>
Điều 44.....	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	37
<b>XII.</b>	<b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>	<b>38</b>
Điều 45.....	Công nhân viên và công đoàn	38
<b>XIII.</b>	<b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>38</b>
Điều 46.....	Phân phối lợi nhuận	38
<b>XIV.</b>	<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .</b>	<b>38</b>
Điều 47.....	Tài khoản ngân hàng	38
Điều 48.....	Năm tài chính	39
Điều 49.....	Chế độ kế toán	39



<b>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>39</b>
Điều 50..... Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	39
Điều 51..... Báo cáo thường niên	39
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>	<b>39</b>
Điều 52..... Kiểm toán	39
<b>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>40</b>
Điều 53..... Dấu của doanh nghiệp	40
<b>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY .....</b>	<b>40</b>
Điều 54..... Giải thể Công ty	40
Điều 55..... Thanh lý	40
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>41</b>
Điều 56..... Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>41</b>
Điều 57..... Điều lệ Công ty	41
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>41</b>
Điều 58..... Ngày hiệu lực	41

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 23/4/2021.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

d) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

e) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

f) “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

g) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

h) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

j) “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

k) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

l) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;

m) “Công ty” là Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên;

n) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

o) “Người phụ trách quản trị của Công ty” là người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy định tại Điều lệ này để hỗ trợ công tác quản trị Công ty, giúp hoạt động quản trị của Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

p) “Đại hội trực tuyến” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

q) “Đại hội truyền thống” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông



tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại Điểm p khoản này.

r) “Hệ thống trực tuyến” là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.

s) “Cổ đông dự họp” là cổ đông thực hiện tham dự bằng các hình thức dự họp trực tiếp, trực tuyến, bỏ phiếu từ xa hoặc một hình thức khác theo quy định pháp luật.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

– Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

– Tên tiếng Anh: **PHU YEN PETROVIETNAM OIL JOINT STOCK COMPANY**

– Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

– Tên viết tắt: **PVOIL PHÚ YÊN**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

– Địa chỉ: 157-159 Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

– Điện thoại: (0257) 3828643 - 3823232

– Fax: (0257) 3828643

– E-mail: [pvoilphuyen@phuyen.pvoil.vn](mailto:pvoilphuyen@phuyen.pvoil.vn)

– Website: [pvoilphuyen.com.vn](http://pvoilphuyen.com.vn)

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Người đại diện theo

pháp luật thực thi trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác của Công ty.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

##### 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	4661 (chính)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan. Mua bán khí đốt
2	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, chế biến nông sản xuất khẩu
3	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Mua bán vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật). Mua bán nguyên liệu phi nông nghiệp
4	4620	Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Mua bán nông, lâm sản
5	1610	Cửa, xe bảo gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, chế biến hàng lâm sản xuất khẩu
6	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Mua bán vật liệu xây dựng, nhựa đường
7	4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Mua bán thủy sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa
8	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Vận tải hàng hóa (kể cả vận tải chất lỏng)
9	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế
10	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết ngành nghề kinh doanh là: Dịch vụ rửa xe và bảo dưỡng xe ô tô, xe có động cơ
11	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam	Nhập khẩu: Xăng, dầu, vật tư, dầu nhờn, khí đốt, máy móc, thiết bị phục vụ cho nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) và ngành xây dựng; nông lâm sản; phương tiện vận tải; hàng hóa tiêu dùng



*(Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).*

2. Mục tiêu hoạt động, sứ mệnh, tầm nhìn của Công ty:

- Mục tiêu: Kinh doanh có lãi, bảo toàn, phát triển vốn và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

- Sứ mệnh: Luôn theo đuổi những mục tiêu có giá trị trong cuộc sống.

- Tầm nhìn: Trở thành doanh nghiệp hàng đầu, uy tín và chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu tại địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh lân cận.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

##### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 86.519.260.000 đồng (Tám mươi sáu tỷ năm trăm mười chín triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 8.651.926 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.”

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này toàn bộ là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty không có cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 11. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;



c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2 Điều 24 và khoản 1 Điều 36 Điều lệ này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Trường hợp tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo hình thức quy định tại Điểm c Khoản 6 Điều này, cổ đông có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản trực tuyến và công nhận kết quả bỏ phiếu đã thực hiện trên hệ thống trực tuyến từ tài khoản của mình, đồng thời tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan của Công ty.

9. Khi có sự thay đổi thông tin cá nhân, địa chỉ liên hệ, cổ đông phải thông báo chính xác, kịp thời thay đổi này với cơ quan lưu ký chứng khoán hoặc với Công ty (nếu cổ phiếu chưa lưu ký).

10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho cổ đông tại quyết định triệu tập Đại hội.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán

được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Báo cáo tài chính quý, 06 (sáu) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ: ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

#### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:



- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g) Quyết định mua lại phần đã bán của Công ty;
  - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k) Phê duyệt/sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
  - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
  - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ

phần;

- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại cổ phần đã bán của Công ty;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 15. Người đại diện theo ủy quyền và ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Tổ chức là cổ đông Công ty có thể ủy quyền cho một hoặc nhiều người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Việc ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền tuân thủ theo quyết định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì phải được người ủy quyền ban đầu đồng ý và người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

#### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp



Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ

trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp Thẻ biểu quyết cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến hoặc các hình thức khác theo quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại

hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Người triệu tập đại hội có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp trong trường hợp họp theo hình thức truyền thống;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh, an toàn hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh, an toàn ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.



9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/202 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### **Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 3, khoản 4 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị

quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể thực hiện cho tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, nội dung và hình thức Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

d) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên

bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);



g) Các thông tin khác (nếu có);

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên, 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên và từ 80% trở lên được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

## **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là không quá 07 (bảy) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay

thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

f) Quyết định bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan

trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; quyết định cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc giới thiệu đề bổ nhiệm, đề nghị miễn nhiệm, cách chức đối với Người điều hành cấp Chủ tịch và thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc các công ty con trên cơ sở đề xuất của Giám đốc, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty (trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, khoản trả thêm thù lao quy định tại khoản 5 Điều này, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần

và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Đại hội đồng cổ đông.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực



hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01(một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị

được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện

16. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

17. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần), có các nội dung chính quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp; chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số

trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

## **VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.



### **Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp**

1. Người điều hành Công ty bao gồm những người quy định tại điểm g khoản 1 Điều 1 Điều lệ này. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

### **Điều 35. Thư ký Công ty**

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm (01) một hoặc nhiều

người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

### **Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ

trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Các Kiểm soát viên bầu 01 (một) người trong số họ là Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Tổ chức lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông.

d) Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên.

e) Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.

f) Thay mặt Ban kiểm soát đề nghị họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

g) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

h) Ký các văn bản khác ngoài quy định tại các điểm c, f và g Khoản 2 Điều này để thực hiện các công việc của Ban kiểm soát.

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng

48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**



Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

d) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó

đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy

định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 45. Công nhân viên và công đoàn**

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân

hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

#### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định



lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 53. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 54. Giải thể Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 55. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan có gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 57. Điều lệ Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 58. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Nguyễn Thái Định**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**  
(Ban hành theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2021 của  
Đại hội đồng cổ đông thường niên)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (Công ty), bao gồm các nội dung:

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ, HĐQT, Giám đốc;
2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ;
3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT;
4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT;
5. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;
6. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người điều hành của Công ty;
7. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Giám đốc;
8. Đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thà Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành khác;
9. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị, bổ nhiệm người công bố thông tin của Công ty;
10. Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty;
11. Các hoạt động khác có liên quan của Công ty.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng của Quy chế bao gồm:

1. HĐQT, BKS;
2. Người điều hành của Công ty;
3. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến công tác quản trị của Công ty.

**Điều 3. Giải thích thuật ngữ**

Ngoài các từ ngữ được giải thích theo Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định hiện hành của Công ty, các khái niệm dưới đây được hiểu như sau:

1. Người phụ trách quản trị Công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.



2. Thành viên HĐQT không điều hành: là thành viên HĐQT không phải là Người điều hành Công ty theo quy định tại Quy chế này.

3. Bỏ phiếu điện tử: là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc tại đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.

4. Bỏ phiếu truyền thống: là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng văn bản về Công ty hoặc theo các hình thức khác được quy định tại Điều lệ, Quy chế này mà không phải hình thức bỏ phiếu điện tử.

5. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **Chương II**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 13, Điều 14 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ được quy định tại Khoản 4 Điều 13 và Khoản 1 Điều 17 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Căn cứ quyết định triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty thông báo về việc chốt danh sách cổ đông và gửi cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Ngay sau khi VSD có thông báo chấp thuận nội dung thông báo chốt danh sách cổ đông, thông báo chốt danh sách cổ đông sẽ được đăng tải trên website của Công ty.

#### **Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

#### **Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông**

1. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp

phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp (tham khảo);
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.

3. Bổ sung chương trình họp của ĐHĐCĐ:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ.

- Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

b) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm a khoản này.
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty.
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c) Trường hợp từ chối kiến nghị thì HĐQT phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ và nêu rõ lý do.

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu BKS làm việc với HĐQT trong trường hợp không đồng ý với quyết định của HĐQT về việc này.

đ) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch HĐQT các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về nội dung này.

e) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm a khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

### **Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức tùy theo quyết định của người triệu tập Đại hội. Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ theo các quy định sau đây:

## 1. Trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ:

Để chuẩn bị tốt cho công tác tổ chức Đại hội, cổ đông có thể đăng ký về việc tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trước thời hạn ghi trong Thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Việc đăng ký nêu tại khoản này có thể gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty, đăng ký trực tuyến. Cách thức đăng ký cụ thể được hướng dẫn tại Thông báo mời họp.

## 2. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ:

### a) Đối với Đại hội truyền thống và cổ đông đến dự họp trực tiếp:

- Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đăng ký dự họp phải xuất trình Thư mời, Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu/Chứng minh sĩ quan quân đội bản gốc và giấy ủy quyền hợp lệ.

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp Thẻ biểu quyết cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký; Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

### b) Đối với Đại hội trực tuyến và cổ đông chỉ tham dự thông qua Hệ thống trực tuyến:

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. Công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thông báo mời họp.

- Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là có mặt tại Đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ các trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự.

- Cổ đông muốn tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Quy chế này và có nghĩa vụ:

+ Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại Khoản này tương tự như cổ đông.

+ Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.

+ Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được

thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

c) Đối với Đại hội tổ chức kết hợp các hình thức quy định tại điểm a và b khoản này:

- Các cổ đông đến dự họp trực tiếp tại Đại hội sẽ thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này.

- Các cổ đông chỉ dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến nhưng vẫn đến dự họp/ủy quyền dự họp trực tiếp thì Công ty tổ chức đăng ký cổ đông như quy định đối với cổ đông đến dự họp trực tiếp.

### 3. Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ:

a) Đối với ủy quyền dự họp Đại hội truyền thống:

Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự (tham khảo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp) và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

- Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

b) Đối với ủy quyền dự họp Đại hội trực tuyến trên Hệ thống trực tuyến: Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội trực tuyến. Quy định cụ thể về ủy quyền sẽ do HĐQT quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

### **Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

### **Điều 11. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội truyền thống và/hoặc Đại hội trực tuyến và/hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và/hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 12. Cách thức biểu quyết và kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông**



## **1. Các nội dung biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ**

a) Biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp, gồm:

- Thông qua chương trình nghị sự của cuộc họp;
- Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu;
- Thông qua quy chế bầu cử/kiểm phiếu;
- Thông qua danh sách bầu cử;
- Thông qua Biên bản và nghị quyết cuộc họp.

b) Biểu quyết thông qua các vấn đề trình ĐHĐCĐ quyết định, trừ việc bầu thành viên HĐQT và BKS.

c) Bỏ phiếu bầu cử thành viên HĐQT và BKS: Việc bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

## **2. Cách thức biểu quyết:**

Đối với mỗi hình thức tổ chức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp, cổ đông có thể biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo một trong các hình thức sau đối với mỗi nội dung biểu quyết:

a) Bỏ phiếu truyền thống: bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội hoặc ủy quyền cho một người khác hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử);

b) Bỏ phiếu điện tử: chỉ thực hiện trong trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ quyết định áp dụng và thông báo đến cổ đông hình thức bỏ phiếu này.

Để thực hiện bỏ phiếu điện tử, cổ đông phải đáp ứng các điều kiện để truy nhập và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến: có thiết bị kết nối internet và thực hiện thủ tục xác thực cổ đông (*máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác, ...*).

## **3. Biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ**

**a) Biểu quyết theo phương thức truyền thống đối với cổ đông đến/ủy quyền dự họp trực tiếp:**

- Biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được tiến hành theo phương thức cổ đông giơ thẻ biểu quyết và lấy kết quả theo đa số.

- Biểu quyết thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện bằng phiếu biểu quyết được phát tại ĐHĐCĐ theo số cổ phần sở hữu của cổ đông, với các phương án “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”.

- Bỏ phiếu bầu cử thành viên HĐQT và BKS quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: thực hiện bằng phiếu bầu cử được phát tại ĐHĐCĐ theo số cổ phần sở hữu của cổ

đồng.

**b) Bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:**

- Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thông báo mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến.

Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

- Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử tại Hệ thống trực tuyến như sau:

+ Biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp và các quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này: cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại phần Biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến cho từng vấn đề biểu quyết.

+ Đối với nội dung bầu cử thành viên HĐQT/BKS quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này: thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến cho nội dung cần bầu cử.

- Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử hoặc có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung cho những nội dung phát sinh. Kết quả bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Ban kiểm phiếu thông báo tại ĐHĐCĐ. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể thực hiện biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa.

- Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ do HĐQT quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

- Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi ĐHĐCĐ diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại ĐHĐCĐ theo quyết định của HĐQT.

- Việc ủy quyền bỏ phiếu điện tử của cổ đông (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

4. Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức (bỏ phiếu truyền thống và bỏ phiếu điện tử), cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết, hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu biểu quyết truyền thống sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

5. Hình thức biểu quyết/bỏ phiếu cụ thể được thực hiện theo Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

6. Công ty sẽ nghiên cứu áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất.

**7. Kiểm phiếu:**

a) Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu tại nơi tổ chức ĐHĐCĐ. Ban kiểm phiếu có quyền sử dụng thêm nhân sự giúp việc để kiểm phiếu. Trong trường hợp có yêu cầu của cổ đông, Chủ tọa cuộc họp có thể mời một số cổ đông đại diện tham gia giám sát quá trình kiểm phiếu.

b) Việc tổng hợp kết quả kiểm phiếu được thực hiện như sau:

- Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả bỏ phiếu điện tử để lập Biên bản kiểm phiếu và/hoặc Biên bản bầu cử.

- Kết quả kiểm phiếu sẽ được tính bằng tổng kết quả biểu quyết bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả biểu quyết bỏ phiếu điện tử.

### **Điều 13. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

### **Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Sau khi Ban kiểm phiếu hoàn tất công việc kiểm phiếu, lập biên bản và báo cáo Chủ tọa đại hội. Chủ tọa đại hội sẽ mời Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả trước ĐHĐCĐ.

2. Chủ tọa Đại hội, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

### **Điều 15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp. Ngoài ra, diễn biến Đại hội có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Nước ngoài. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty. Nếu có sự hiểu khác nhau giữa tiếng Việt và tiếng Nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và được Đại hội thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

### **Điều 16. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày biên bản họp ĐHĐCĐ được công bố, cổ đông có quyền gửi ý kiến bằng văn bản cho Chủ tọa đại hội để phản đối những nội dung biên bản mà cổ đông cho rằng không phản ánh trung thực những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Ý kiến phản đối phải nêu rõ lý do phản đối và bằng chứng để chứng minh.

2. Chủ tọa ĐHĐCĐ sẽ triệu tập cuộc họp xem xét những ý kiến phản đối với thành phần bao gồm: Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, Thư ký cuộc họp, đại diện Ban kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu (nếu có), đại diện Ban/bộ phận kiểm tra tư cách cổ đông và một cổ đông khác không nắm chức vụ quản lý trong Công ty.

3. Biên bản họp xem xét ý kiến phản đối phải được ghi chép tóm tắt nội dung

phản đối, lý do cùng những bằng chứng chứng minh. Phần kết luận của biên bản phải nêu rõ những ý kiến phản đối có hợp lý và có căn cứ hay không, đồng thời có kết luận cuối cùng về tính xác thực các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được ghi trong Biên bản họp ĐHĐCĐ.

4. Căn cứ kết luận của cuộc họp giải quyết, Chủ tọa cuộc họp gửi văn bản phản hồi/thông báo đến cổ đông có ý kiến phản đối.

#### **Điều 17. Công bố Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Biên bản, Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ, tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

#### **Điều 18. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Mục đích của việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản là nhằm giải quyết nhanh và kịp thời những vấn đề cần có sự thông qua của ĐHĐCĐ.

2. Thẩm quyền, thể thức, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

3. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) HĐQT ban hành nghị quyết về nội dung cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thực hiện chốt danh sách cổ đông tại thời điểm mà HĐQT gửi phiếu lấy ý kiến.

b) HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Nội dung phiếu lấy ý kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác, cổ đông thực hiện biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến. Phiếu biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến không bao gồm Điểm g Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

c) HĐQT gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.

d) Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty theo khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Trường hợp việc lấy ý kiến bằng văn bản có hình thức bỏ phiếu điện tử thì cổ đông được cấp tài khoản và mật khẩu để truy cập và thực hiện biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến. Cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 12 và có nghĩa vụ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức (bỏ phiếu truyền thống và bỏ phiếu điện tử), cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông bỏ phiếu theo cả hai hình thức thì phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu ý kiến giấy sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

e) HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định tại khoản 6 Điều

21 Điều lệ Công ty.

f) Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông theo quy định tại Khoản 7 Điều 21 Điều lệ Công ty.

g) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thông qua khi được cổ đông biểu quyết chấp thuận theo quy định tại Điều 13 Quy chế này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 19. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp và Điều 26 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ Công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

- Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 21. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT**

Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 22. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty.

2. Thành viên độc lập HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại



Khoản 5 Điều 24 Điều lệ Công ty.

### **Điều 23. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**

#### **1. Điều kiện ứng cử hoặc đề cử thành viên HĐQT**

a) Người ứng cử là cổ đông cá nhân phải nắm giữ ít nhất 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ.

b) Người được đề cử phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ đề cử.

#### **2. Số lượng ứng cử viên HĐQT**

a) Số lượng ứng viên đề bầu vào HĐQT do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo bằng hoặc lớn hơn số thành viên HĐQT dự kiến bầu. Các cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử/đề cử với số lượng theo quy định tại Khoản 2, Điều 24 Điều lệ Công ty.

b) Người tự ứng cử và được đề cử phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

c) Nếu sau khi các cổ đông ứng cử hoặc đề cử mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết, HĐQT đương nhiệm có quyền cử thêm ứng viên đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. HĐQT sẽ biểu quyết theo nguyên tắc quá bán để chọn ra ứng viên HĐQT với các điều kiện như sau:

- Ứng cử viên phải đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.

- Ứng viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử theo quy định tại Quy chế này.

#### **3. Tổng hợp danh sách ứng viên HĐQT**

a) Sau khi hết hạn nhận hồ sơ ứng cử và đề cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định.

b) Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử. Việc biểu quyết thông qua danh sách ứng viên tiến hành bằng biểu quyết giơ thẻ biểu quyết.

#### **4. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT**

##### **a) Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT**

- Đơn ứng cử tham gia HĐQT trong đó có cam kết của ứng viên HĐQT về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT;

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;

- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của công ty chứng khoán nơi (nhóm) cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tính đến ngày chốt Danh sách cổ đông cho mục đích họp ĐHCĐ;

- Biên bản họp nhóm và Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);

- Bản sao chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, hộ

khâu thường trú, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn.

- Các hồ sơ khác để xác định tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật.

Hồ sơ ứng viên phải được lập bằng tiếng Việt. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực theo quy định của pháp luật.

b) Thời hạn nhận hồ sơ đề ứng cử/đề cử HĐQT

- Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất 10 (mười) ngày. Sau thời gian này, cổ đông không ứng cử, đề cử, hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, việc đề cử sẽ do HĐQT thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

- Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện là thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

#### **Điều 24. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

1. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và quy chế bầu cử.

2. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

#### **Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. HĐQT phải họp và trình ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

#### **Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

#### **Điều 27. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận

thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

## **Chương IV**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 28. Hình thức họp và thông báo họp Hội đồng quản trị**

##### **1. Hình thức họp HĐQT**

a) HĐQT họp thường kỳ mỗi quý ít nhất 01 (một) lần hoặc họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty. Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

b) Tùy theo điều kiện và các công cụ, phương tiện hỗ trợ thực tế tại thời điểm tổ chức cuộc họp, HĐQT có thể họp trực tiếp hoặc tổ chức họp qua điện thoại hoặc phương thức khác hoặc kết hợp giữa nhiều phương thức khi tất cả hoặc một số thành viên dự họp đang có mặt tại những địa điểm khác nhau và với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
- Trình bày, trao đổi trực tiếp được với tất cả các thành viên tham dự về ý kiến của mình.

##### **2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường**

a) Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT.

b) Đề nghị quy định tại Điểm a Khoản 2 này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

c) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

##### **3. Thông báo họp HĐQT**

a) Thông báo mời họp và tài liệu họp của phiên họp HĐQT phải được gửi đến các thành viên HĐQT và những người tham dự họp trong thời hạn ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp. Thành viên HĐQT nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của HĐQT hay bộ phận trực tiếp gửi hồ sơ của Công ty có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của thành viên HĐQT.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên

HĐQT đã được đăng ký tại Công ty. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

c) Thông báo mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định.

d) Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT.

e) Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 29. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.

3. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định Điều lệ Công ty và pháp luật doanh nghiệp.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

### **Điều 30. Thành phần tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Thành phần tham dự cuộc họp HĐQT gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, đại diện BKS, Thư ký HĐQT.

2. Người triệu tập HĐQT có thể mời thêm Ban Giám đốc và những người quản lý khác, đại diện các tổ chức đoàn thể tại Công ty và các chuyên gia tham dự nếu thấy cần thiết.

3. Khi thảo luận các vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động, HĐQT có thể mời đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty tham dự.

4. Những người tham dự cuộc họp HĐQT không phải là thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 31. Trình tự thủ tục tiến hành các cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chuẩn bị cuộc họp

- Trừ khi có quy định/yêu cầu khác của HĐQT, Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức chuẩn bị trước các nội dung để trình bày tại cuộc họp của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT theo sự phân công thường xuyên của HĐQT và theo phân công cụ thể của Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu cuộc họp, làm việc với các bộ phận liên quan của Công ty, chuẩn bị ý kiến bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

- Bộ phận Thư ký/Trợ lý HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức họp, tập họp và gửi tài liệu.

- Trường hợp không thể tham gia cuộc họp, thành viên HĐQT và người được mời họp cần thông báo cho HĐQT và nêu rõ lý do vắng mặt, đồng thời gửi HĐQT ý kiến tham gia bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

## 2. Trình tự tiến hành cuộc họp

- Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp thông báo thành phần, nội dung, chương trình nghị sự cuộc họp.

- Người được phân công báo cáo tại cuộc họp thuyết trình về các nội dung và kiến nghị để HĐQT xem xét, quyết định.

- Các thành viên thảo luận, xem xét các vấn đề theo tài liệu, báo cáo và thuyết trình tại cuộc họp.

- Người chủ trì cuộc họp kết luận và lấy biểu quyết thông qua từng vấn đề thảo luận và nội dung nghị quyết của cuộc họp.

- Thông qua nghị quyết, Biên bản cuộc họp.

- Chủ tọa cuộc họp, và người ghi Biên bản ký tên vào Biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi Biên bản từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi Biên bản từ chối ký biên bản họp.

## **Điều 32. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của HĐQT đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nếu có sự hiểu khác nhau giữa tiếng Việt và tiếng Nước ngoài thì áp dụng tiếng Việt để giải quyết. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp HĐQT.

3. Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp HĐQT phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo bộ phận Thư ký/Trợ lý chuyên biên bản họp và nghị quyết HĐQT cho các thành viên HĐQT (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

5. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

## **Điều 33. Thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**

1. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp trực tiếp, dự họp trực tuyến hoặc gửi ý kiến biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

2. Đối với các vấn đề biểu quyết liên quan đến nhân sự, tiền vốn, lợi ích của Công ty và nghĩa vụ của thành viên HĐQT, Giám đốc, BKS thì người chủ trì phiên họp HĐQT



có thể quyết định tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín.

### 3. Biểu quyết:

a) Việc biểu quyết được tiến hành công khai bằng cách giơ tay hoặc xác nhận vào phiếu ý kiến trừ trường hợp HĐQT quyết định bỏ phiếu kín theo quy định Khoản 2 Điều này.

b) Thành viên HĐQT vắng mặt biểu quyết bằng phương thức gửi ý kiến bằng văn bản (thư, fax, thư điện tử) thì văn bản phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT hoặc người ủy quyền chủ trì cuộc họp ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp và được công khai tới tất cả những người tham dự họp.

4. Kết quả biểu quyết và kiểm phiếu sẽ được ghi trong Biên bản họp của HĐQT Công ty.

5. Thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc những người có liên quan của họ có lợi ích liên quan thuộc trường hợp quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều 42 Điều lệ Công ty. Thành viên HĐQT cũng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

6. Những quyết định đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT sẽ được HĐQT ban hành theo các thể thức trình bày văn bản phù hợp (Nghị quyết, quyết định, chỉ thị...) để chuyển đến các đơn vị, cá nhân có liên quan. Căn cứ vào các nội dung đã được quyết nghị của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản này.

### **Điều 34. Thông qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.**

1. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Quy chế này.

2. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT. Việc ban hành các nghị quyết bằng hình thức này tuân theo quy định tại Khoản 6 Điều 33 Quy chế này.

### **Điều 35. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị**

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản có liên quan.

## **Chương V BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên**

Vai trò, quyền, nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của **Kiểm soát viên** được quy định tại Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 39 Điều lệ Công ty.

### **Điều 37. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu Kiểm soát viên**

Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu **Kiểm soát viên** được quy định tại

Điều 168 Luật Doanh nghiệp, Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty.

### **Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

### **Điều 39. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử người vào vị trí Kiểm soát viên**

#### 1. Điều kiện ứng cử hoặc đề cử Kiểm soát viên

a) Người ứng cử là cổ đông cá nhân phải nắm giữ ít nhất 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

b) Người được đề cử phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ đề cử.

#### 2. Số lượng ứng cử viên BKS

a) Số lượng ứng viên để bầu vào BKS do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo bằng hoặc lớn hơn số Kiểm soát viên dự kiến bầu. Các cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử/đề cử với số lượng theo quy định tại Khoản 1, Điều 36 Điều lệ Công ty.

b) Người tự ứng cử và được đề cử phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

c) Nếu sau khi các cổ đông ứng cử hoặc đề cử mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết, BKS đương nhiệm có quyền cử thêm ứng viên đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Việc giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. BKS sẽ biểu quyết theo nguyên tắc quá bán để chọn ra ứng viên Kiểm soát viên với các điều kiện như sau:

- Ứng cử viên phải đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên.

- Ứng viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử theo quy định tại Quy chế này.

#### 3. Tổng hợp danh sách ứng viên Kiểm soát viên

a) Sau khi hết hạn nhận hồ sơ ứng cử và đề cử, BKS đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định.

b) Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử. Việc biểu quyết thông qua danh sách ứng viên tiến hành bằng biểu quyết giơ thẻ biểu quyết.

#### 4. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ ứng cử/đề cử để bầu vào BKS

##### a) Hồ sơ đề cử/ứng cử BKS:

- Đơn ứng cử tham gia BKS trong đó có cam kết của ứng viên Kiểm soát viên về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên;

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;

- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của công ty chứng khoán nơi (nhóm)

cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tính đến ngày chốt Danh sách cổ đông cho mục đích họp ĐHĐCĐ;

- Biên bản họp nhóm và Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);

- Bản sao chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn.

- Các hồ sơ khác để xác định tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật.

Hồ sơ ứng viên phải được lập bằng tiếng Việt. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực theo quy định của pháp luật.

b) Thời hạn nhận hồ sơ ứng cử/đề cử Kiểm soát viên

- Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất 10 (mười) ngày. Sau thời gian này, cổ đông không ứng cử, đề cử, hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, việc đề cử sẽ do BKS thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

- Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện là Kiểm soát viên mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

#### **Điều 40. Cách thức bầu Kiểm soát viên**

Cách thức bầu Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như bầu thành viên HĐQT quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 41. Bầu Trưởng ban kiểm soát**

Sau khi có kết quả bầu cử Kiểm soát viên của ĐHĐCĐ, các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định của pháp luật và Khoản 3, Khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.

2. Trưởng BKS có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của đa số Kiểm soát viên.

#### **Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

### **Chương VI**

## **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 44. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Người điều hành Công ty**

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc Công ty được quy định

tại Điều 34 Điều lệ Công ty.

2. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Người điều hành khác của Công ty được thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 45. Tiêu chuẩn lựa chọn Người điều hành Công ty**

1. Tiêu chuẩn của Giám đốc và điều kiện làm Giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều 34 Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt.

c) Có trình độ chuyên môn (tốt nghiệp đại học trở lên) trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

d) Có kinh nghiệm thực tế thực tế trong lĩnh vực quản lý kinh doanh trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất 05 (năm) năm.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty:

a) Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Luật Kế toán.

b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên. Thời gian công tác thực tế trong lĩnh vực kế toán ít nhất 05 (năm) năm tính đến ngày được bổ nhiệm và phải có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp khác:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt.

c) Có trình độ chuyên môn: tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với công việc được giao.

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Công ty (nếu có).

#### **Điều 46. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp**

1. Bổ nhiệm Giám đốc

a) HĐQT thảo luận và quyết định việc bổ nhiệm Giám đốc theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định quy định tại Quy chế này.

b) Hồ sơ đề nghị HĐQT bổ nhiệm Giám đốc bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm.

- Chương trình hành động.

- Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác.
- Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính).
- Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có).

## 2. Bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

a) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Giám đốc. HĐQT thảo luận và quyết định việc bổ nhiệm Phó Giám đốc và Kế toán trưởng theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định quy định tại Quy chế này.

b) Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện như hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Giám đốc.

## 3. Bổ nhiệm lại Người điều hành:

a) Khi Người điều hành chuẩn bị kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì HĐQT phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại.

b) Điều kiện để bổ nhiệm lại:

- Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ.
- Phẩm chất đạo đức tốt.
- Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và các quy định của Công ty.
- Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ.

c) Hồ sơ trình HĐQT Công ty bổ nhiệm lại như là hồ sơ bổ nhiệm lần đầu.

## **Điều 47. Ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành**

1. Việc ký hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và mức lương của họ sẽ do HĐQT quyết định theo Điều lệ và các quy định có liên quan của Công ty.

2. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của quy định pháp luật hiện hành.

## **Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm đối với Người điều hành**

### 1. Miễn nhiệm Giám đốc

HĐQT miễn nhiệm Giám đốc trong các trường hợp sau:

- a) Giám đốc không còn đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Quy chế này.
- b) Giám đốc có đơn xin từ chức, hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Giám đốc hoặc Giám đốc không bảo đảm sức khỏe để đảm nhận chức vụ.
- c) Giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.
- d) Để Công ty kinh doanh thua lỗ 02 (hai) năm liền mà không phải do nguyên nhân khách quan.
- e) Bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự.
- f) Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Giám đốc không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

### 2. Miễn nhiệm Phó Giám đốc



HĐQT miễn nhiệm Phó Giám đốc trong các trường hợp sau:

- a) Phó Giám đốc không còn đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Quy chế này.
- b) Phó Giám đốc có đơn xin từ chức, hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Phó Giám đốc hoặc Phó Giám đốc không bảo đảm sức khỏe để đảm nhận chức vụ.
- c) Phó Giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.
- d) Bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự.
- e) Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Phó Giám đốc không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

### 3. Miễn nhiệm Kế toán trưởng

HĐQT miễn nhiệm Kế toán trưởng trong các trường hợp sau:

- a) Kế toán trưởng không còn đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Quy chế này.
- b) Kế toán trưởng có đơn xin từ chức, hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Kế toán trưởng hoặc không bảo đảm sức khỏe để đảm nhận chức vụ.
- c) Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.
- d) Bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự.
- e) Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Kế toán trưởng không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

### 4. Miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp khác

HĐQT miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp khác trong các trường hợp sau:

- a) Người điều hành doanh nghiệp khác không còn đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Quy chế này.
- b) Người điều hành doanh nghiệp khác có đơn xin từ chức, hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp khác hoặc Người điều hành doanh nghiệp khác không bảo đảm sức khỏe để đảm nhận chức vụ.
- c) Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.
- d) Bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự.
- e) Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Người điều hành doanh nghiệp khác không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

### **Điều 49. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành**

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

**Chương VII**  
**PHỐI HỢP LÀM VIỆC GIỮA**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC**

**Điều 50. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả cuộc họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc**

1. Trong các phiên họp của HĐQT, HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo tương tự cách thức gửi cho các thành viên HĐQT đến BKS để nghiên cứu và tham dự họp.

2. Thủ tục, trình tự, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện như các quy định tại Chương IV Quy chế này.

**Điều 51. Thông báo nghị quyết HĐQT cho Ban Kiểm soát**

Bản sao các văn, bản nghị quyết của HĐQT sẽ được chuyển đến cho Kiểm soát viên và Giám đốc trong thời hạn theo quy định văn thư của Công ty.

**Điều 52. Các trường hợp Giám đốc, Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT**

1. Giám đốc, BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT khi xảy ra các trường hợp theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Khi Giám đốc, BKS có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận thì Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng.

2. Những vấn đề sau đây phải xin ý kiến HĐQT:

a) Các vấn đề cần phải được HĐQT phê chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty;

b) Các giao dịch mà Giám đốc là một bên liên quan;

c) Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Giám đốc;

d) Các nội dung khác phải được HĐQT phê duyệt/phê chuẩn theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT phải có ý kiến phản hồi hoặc phê duyệt các nội dung Giám đốc đề xuất tại Khoản 1 Điều này theo cách thức quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT.

**Điều 53. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

1. Định kỳ hàng tháng hoặc quý tùy theo tình hình cụ thể, Giám đốc phải tổ chức họp Ban Giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề khác HĐQT giao cho Ban Giám đốc. Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn và đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Giám đốc.

2. Ngoài ra, Giám đốc phải báo cáo các vấn đề khác về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Công ty hoặc khi được ĐHĐCĐ/HĐQT yêu cầu.

3. Khi cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu các thành viên Ban Giám đốc cũng như các chức danh quản lý của Công ty báo cáo về việc thực hiện công việc được giao.

**Điều 54. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các**

## **thành viên**

1. Các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và các thành viên Ban Giám đốc thường xuyên trao đổi và cung cấp các thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi trong công việc của nhau để bảo đảm thực hiện tốt nhất công việc chung.

2. Trường hợp khẩn cấp cần xin ý kiến ngay, các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc có thể thông tin ngay thông qua gặp trực tiếp, điện thoại, email, họp trực tuyến để công việc giải quyết hiệu quả.

3. BKS, HĐQT có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu, hồ sơ của Công ty trực tiếp qua cán bộ nhân viên phụ trách chuyên môn của các đơn vị trực thuộc Công ty để làm sáng tỏ vấn đề quan tâm vì lợi ích chung Công ty.

## **Chương VIII**

### **QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 55. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Người điều hành Công ty**

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT và Giám đốc và Người điều hành khác.

2. Trường BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Kiểm soát viên.

3. Giám đốc tổ chức đánh giá các thành viên Người điều hành trên cơ sở các quy định có liên quan của Công ty.

#### **Điều 56. Khen thưởng**

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Người điều hành Công ty; HĐQT sẽ đề xuất mức thưởng và trình ĐHĐCĐ quyết định để thưởng cho thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Người điều hành Công ty.

2. Hình thức khen thưởng:

- a) Bằng tiền.
- b) Bằng cổ phiếu.
- c) Các hình thức khác (nếu có).

3. Chi tiết về công tác khen thưởng thực hiện theo quy định của Công ty.

#### **Điều 57. Xử lý vi phạm và kỷ luật**

1. Hàng năm, Công ty sẽ căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sự tuân thủ nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, các quy định của pháp luật và các quy định của Công ty để xác định mức độ và hình thức kỷ luật.

2. Thành viên HĐQT, Giám đốc và Người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật và quy định Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông

hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **Chương IX**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ; BỔ NHIỆM NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 58. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hiểu biết về pháp luật.
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

#### **Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS.
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
4. Tham dự các cuộc họp.
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp.
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và BKS.
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
11. Người phụ trách quản trị Công ty được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động ký với Công ty.

#### **Điều 60. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bãi nhiệm và thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty**

1. HĐQT có thể chỉ định ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.
2. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
4. Công ty tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 61. Bổ nhiệm Người công bố thông tin**

Công ty bổ nhiệm ít nhất một nhân sự công bố thông tin. Nhân sự công bố thông tin có thể kiêm nhiệm các chức danh công việc khác.

### **Điều 62. Tiêu chuẩn của Người công bố thông tin**

1. Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học.
2. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.
3. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.

### **Điều 63. Trách nhiệm của Người công bố thông tin**

1. Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

## **Chương X**

### **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY**

#### **Điều 64. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý**

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người quản lý khác và những Người liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 65. Giao dịch với Người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với Người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng



bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những Người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

**Điều 66. Giao dịch với cổ đông, Người quản lý và Người có liên quan của các đối tượng này**

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp theo quy định tại Khoản 3 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được ĐHĐCĐ chấp thuận, Công ty không được thực hiện giao dịch theo quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

5. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

## **Chương XI CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

**Điều 67. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thù lao khác của các thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và công bố cho cổ đông.

2. Thù lao của các thành viên HĐQT được liệt kê đầy đủ trong thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.

3. Trường hợp thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Giám đốc thì ngoài tiền lương của Giám đốc theo Quy chế lương, thưởng của Công ty, Giám đốc còn hưởng khoản thù lao của thành viên HĐQT.

4. Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí đã thanh toán cho các thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

**Điều 68. Thù lao của Kiểm soát viên**

Hàng năm, các Kiểm soát viên được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của mình. Việc tính số thù lao mà các Kiểm soát viên được hưởng phải rõ ràng, minh

bạch và được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng số thù lao thanh toán cho các Kiểm soát viên được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty.

#### **Điều 69. Tiền lương của Giám đốc và Người điều hành khác**

1. Tiền lương, thưởng của Giám đốc và người điều hành khác thực hiện theo Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty.

2. Tiền lương của Giám đốc và người điều hành khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 70. Tiền lương của Người phụ trách quản trị**

Tiền lương của Người phụ trách quản trị do Giám đốc quyết định và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

## **Chương XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 71. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế**

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được ĐHĐCĐ Công ty xem xét và quyết định

2. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, HĐQT sẽ xem xét và trình ĐHĐCĐ thông qua.

#### **Điều 72. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.

2. HĐQT Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thi hành Quy chế này.

3. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty thì các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên

(Ban hành theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2021 của  
Đại hội đồng cổ đông thường niên)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (Công ty) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ:

Ngoài các từ ngữ được giải thích theo các quy chế, quy định hiện hành của Công ty, các khái niệm dưới đây được đề cập trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
2. Điều lệ Công ty: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên;
3. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty;
4. HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty
5. BKS: Ban kiểm soát Công ty;
6. Giám đốc: Giám đốc Công ty, Người đại diện pháp luật của Công ty
7. Ban điều hành: Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;
8. Người có liên quan: Cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
9. Người quản lý: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.

2. HĐQT giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

## **Chương II**

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên độc lập HĐQT của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

#### **Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

#### **Điều 6. Số lượng nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị**

1. HĐQT Công ty có không quá 07 (bảy) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Cơ cấu HĐQT của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT.

4. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

## **Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
  - c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
  - đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Điều lệ Công ty.
3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 6 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

## **Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
  - đ) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
  - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên



còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

### **Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
  - a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
  - a) Trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều lệ Công ty. Trường hợp này HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty.
  - b) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);
  - c) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng viên HĐQT theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
  - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
  - b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty làm ứng cử viên HĐQT.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn

không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo các quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ quản trị Công ty.

#### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế công bố thông tin của Công ty.

### **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ đồng quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

f) Quyết định bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại các Công ty khác;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; quyết định cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc giới thiệu đề bổ nhiệm, đề nghị miễn nhiệm, cách chức đối với người điều hành cấp Chủ tịch và thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty con trên cơ sở đề xuất của Giám đốc; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

q) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

r) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

s) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

t) Yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành

viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

### **Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

4. Trong thẩm quyền của mình, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Giám đốc quyết định các hợp đồng, giao dịch bằng văn bản cụ thể.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Báo cáo tài chính quý, 06 (sáu) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất 1/2 (một nửa) so với đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- đ) Theo yêu cầu của BKS;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị**

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

### **Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

- 1. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- 2. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;



b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

8. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại

cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

15. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

16. HĐQT có quyền lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua Nghị quyết HĐQT khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty. Thời gian xử lý phiếu lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản:

a) Trong trường hợp bút phê chỉ đạo xử lý của Chủ tịch HĐQT có quy định thời hạn xử lý thì tuân thủ theo thời hạn đó.

b) Trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ, Thư ký Công ty phải gửi phiếu lấy ý kiến cho các thành viên HĐQT bằng các phương thức gửi trực tiếp hoặc thông qua thư, fax, thư điện tử,... Các thành viên HĐQT nghiên cứu tài liệu trên bản cứng hoặc bản scan và có ý kiến biểu quyết/ý kiến đề xuất khác trong vòng 05 (năm) ngày làm việc hoặc thời hạn cho ý kiến, thông qua việc trả lời thư, fax, thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản cũng sẽ được các thành viên HĐQT ký và gửi cho Thư ký Công ty bản cứng để lưu theo quy định.

c) Thư ký Công ty tổng hợp kết quả biểu quyết:

- Nếu nội dung được đa số thành viên HĐQT thông qua, Thư ký tổng hợp, trình Chủ tịch HĐQT để HĐQT ra văn bản/ng nghị quyết/quyết định trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT gửi đến Thư ký trong thời hạn quy định.

- Nếu nội dung chưa được đa số thành viên HĐQT thông qua, hoặc có các ý kiến khác của các thành viên HĐQT, Thư ký Công ty báo cáo Chủ tịch HĐQT và xử lý theo chỉ đạo cụ thể của Chủ tịch HĐQT.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

17. Cách thức xử lý trong những trường hợp khẩn cấp: Trong những trường hợp khẩn cấp, các vấn đề cần được HĐQT xem xét, giải quyết song không thể họp HĐQT và cũng không kịp xin ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản, Giám đốc Công ty sẽ trao đổi với Chủ tịch HĐQT (và tranh thủ ý kiến của các thành viên HĐQT nếu có thể) để quyết định. Ngay ngày làm việc kế tiếp, Giám đốc Công ty thông báo để Thư ký Công ty làm các thủ tục theo quy trình.

### **Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

### **Điều 18. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT**

1. Nghị quyết/Quyết định của HĐQT là văn bản pháp lý thực hiện chức năng quản lý của HĐQT đối với hoạt động của Công ty, có tính bắt buộc thi hành đối với tất cả các cá nhân, đơn vị trong Công ty.

2. Căn cứ Biên bản cuộc họp/nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký các văn bản ban hành, các quyết định, quy định, chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác của HĐQT để thực hiện trong toàn Công ty.

3. Các quyết định, quy định, chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho các thành viên HĐQT, Giám đốc và BKS để theo dõi, giám sát và thực hiện.

4. Khi thực hiện Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, cá nhân, đơn vị nào phát hiện có vấn đề không phù hợp hoặc có ý kiến khác phản ánh theo trình tự hoặc kiến nghị trực tiếp với HĐQT, các thành viên HĐQT hoặc Thư ký Công ty để HĐQT xem xét. Trong khi chưa có Nghị quyết/Quyết định khác của HĐQT thì vẫn phải tuân thủ Nghị quyết/Quyết định hiện hành của HĐQT về vấn đề liên quan.

## **Chương V BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HĐQT**

### **Điều 19. Bộ phận giúp việc của HĐQT**

1. BKS nội bộ: BKS nội bộ được HĐQT thành lập để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh và quản lý, điều hành trong Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của HĐQT; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục các sai sót, rủi ro trong hoạt động kinh doanh; điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động cụ thể của BKS nội bộ do HĐQT quyết định.

2. Người phụ trách quản trị Công ty

a) HĐQT chỉ định ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.

b) Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
- Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### 3. Trợ lý/Thư ký HĐQT

Trợ lý/Thư ký HĐQT có nhiệm vụ:

- a) Lập biên bản cuộc họp HĐQT, dự thảo và chỉnh sửa các dự thảo nghị quyết, quyết định và các văn bản liên quan của HĐQT.
- b) Theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, phối hợp với nhân sự các đơn vị trực thuộc để theo dõi quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- c) Yêu cầu các đơn vị trực thuộc cung cấp tài liệu về các vấn đề mà HĐQT cần xem xét, phê duyệt.
- d) Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT theo yêu cầu. Chuyển các yêu cầu của các thành viên HĐQT tới các đơn vị trực thuộc để chuẩn bị ý kiến cho kỳ họp HĐQT.
- e) Trình HĐQT các văn bản thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT.
- f) Phối hợp với các đơn vị trực thuộc chuẩn bị các văn bản, báo cáo, tờ trình của HĐQT cho các cổ đông và/hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước.
- g) Tiếp nhận, lưu trữ, gửi công văn, hồ sơ, tài liệu của HĐQT.
- h) Các công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty do Chủ tịch HĐQT phân công.

4. Ngoài các bộ phận giúp việc tại Khoản 1,2 và Khoản 3 Điều này, HĐQT có thể sử dụng bộ máy tham mưu, giúp việc của Công ty hoặc thành lập các tiểu ban

chuyên đề theo quy định tại Điều lệ để thực hiện nhiệm vụ của mình.

## **Chương VI BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 20. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của BKS.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những



trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

### **Điều 24. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định.

### **Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mọi quan hệ giữa HĐQT và BKS là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của BKS, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **Chương VII** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 26. Trách nhiệm thực hiện và xử lý vi phạm**

1. HĐQT, thành viên HĐQT và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong quy chế này.

2. Tổ chức hoặc cá nhân vi phạm các quy định trong quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

### **Điều 27. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

### **Điều 28. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên bao gồm 7 Chương 28 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2021.

2. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty thì các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
(Ban hành theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2021 của  
Đại hội đồng cổ đông thường niên)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên và các tập thể, cá nhân có liên quan tại Công ty.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

**Điều 3. Giải thích một số từ ngữ trong Quy chế này**

Ngoài các từ ngữ được giải thích theo các quy chế, quy định hiện hành của Công ty, các khái niệm dưới đây được đề cập trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. BKS: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên;
2. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty;
3. Điều lệ Công ty: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên;
4. HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty;
5. Giám đốc: Giám đốc Công ty, Người đại diện pháp luật của Công ty;
6. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
7. Cổ đông: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty.

**Chương II**  
**KIỂM SOÁT VIÊN**

**Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên**

1. BKS có tối đa ba (03) Kiểm soát viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ của Công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ của Công ty và tại Công ty.

### **Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các Kiểm soát viên theo nguyên tắc đa số.

3. Nhiệm vụ của Trưởng BKS:

a) Điều phối công việc chung của BKS.

b) Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thông qua. Ký ban hành sau khi được ĐHĐCĐ phê chuẩn.

c) Thay mặt BKS ký các văn bản, báo cáo, tài liệu, hồ sơ gửi ĐHĐCĐ, HĐQT, Giám đốc và các bên liên quan để thực hiện nhiệm vụ chung của BKS.

d) Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát theo định kỳ hàng quý, hàng năm sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

e) Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của BKS; phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; triệu tập và chủ trì các cuộc họp BKS.

f) Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng BKS trong thời gian vắng mặt.

g) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS.

h) Đề nghị HĐQT tổ chức phiên họp bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.

i) Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

j) Điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

k) Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của BKS được gửi đến ĐHĐCĐ.

l) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **Điều 8. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào BKS. Việc ứng cử, đề cử người vào BKS được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

## **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

## **Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

## **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ



trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác;
  - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

13. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

14. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ đồng theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.

23. Giám sát, chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

24. Trường BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

### **Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, Quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Trưởng BKS.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. BKS có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a) Báo cáo tài chính quý, 6 tháng hoặc Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với đầu kỳ;
- b) Số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

d) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS nhưng HĐQT không thực hiện.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.

2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác hoặc đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành BKS.

## **Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên.

4. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

### **Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác**

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

3. Tiền lương, phụ cấp khác (nếu có) và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người

có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên**

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

### **Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

BKS có mối quan hệ độc lập với ban điều hành, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

### **Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.

## **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của BKS Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên bao gồm 07 Chương 23 Điều và có hiệu lực có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2021./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**